

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Thanh Trà

Giảng viên hướng dẫn: Th.S Nguyễn Văn Thụ

HẢI PHÒNG - 2013

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ
KNH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN
ĐẠI YÊN**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Thanh Trà

Giảng viên hướng dẫn: Th.S Nguyễn Văn Thụ

HẢI PHÒNG - 2013

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Thanh Trà

Mã SV:1113401002

Lớp: QTL501K

Ngành: Kế toán – Kiểm

toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và

xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần thủy sản Đại Yên

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp
(về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Lý luận chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
 - Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần thủy sản Đại Yên.
 - Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần thủy sản Đại Yên.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Sử dụng số liệu năm 2012
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
 - Công ty Cổ Phần thủy sản Đại Yên

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Văn Thụ

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần thủy sản Đại Yên

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 03 năm 2013

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 29 tháng 06 năm 2013

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2013

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Chăm chỉ học hỏi, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu phục vụ cho bài viết;
- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp;
- Chủ động nghiên cứu, luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giáo viên hướng dẫn giao.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Bài viết của sinh viên *Nguyễn Thị Thanh Trà* đã đáp ứng được yêu cầu của một khóa luận tốt nghiệp. Kết cấu của khóa luận được sắp xếp hợp lý, khoa học với 3 chương:

Chương I: Những vấn đề chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ. Trong chương này tác giả đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ theo quy định hiện hành.

Chương II: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thủy sản Đại Yên. Trong chương này tác giả đã giới thiệu được những nét cơ bản về công ty như lịch sử hình thành và phát triển, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, mô hình tổ chức bộ máy quản lý, bộ máy kế toán. Đồng thời tác giả cũng đã trình bày được tương đối chi tiết và cụ thể thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty, có số liệu minh họa cụ thể (Năm 2012). Số liệu minh họa trong bài viết chi tiết, phong phú và có tính logic cao.

Chương III: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thủy sản Đại Yên. Trong chương này tác giả đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được một số giải pháp hoàn thiện phù hợp với tình hình thực tế tại công ty và có tính khả thi cao.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Bảng số: Bảng chữ:

Hải Phòng, ngày 16 tháng 06 năm 2013

Cán bộ hướng dẫn

Th.S Nguyễn Văn Thụ

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	3
1.1 Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	3
1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	3
1.1.2. Vai trò, ý nghĩa của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	3
1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	4
1.1.4. Một số khái niệm thuật ngữ liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	5
1.1.5. Bán hàng và các phương pháp bán hàng trong doanh nghiệp:	8
1.2 Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ:.....	10
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu:	10
1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán:.....	15
1.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	19
1.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính	22
1.2.5. Kế toán thu nhập, chi phí khác:.....	26
1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh:.....	29
1.3. Hệ thống sổ kế toán và hình thức kế toán sử dụng tại các doanh nghiệp	31
1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung	32
1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái.....	33
1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	34
1.3.4. Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ.....	35
1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính	37

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN ĐẠI YÊN	38
2.1. Khái quát chung về công ty cổ phần Thủy sản Đại Yên.....	38
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty CP Thủy sản Đại Yên.	38
2.1.2. Cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh của công ty CP Thủy sản Đại Yên..	39
2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty CP Thủy sản Đại Yên	40
2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại công ty CP Thủy sản Đại Yên	42
2.2 Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP thủy sản Đại Yên	47
2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng tại công ty CP thủy sản Đại Yên.....	47
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty CP thủy sản Đại Yên.....	55
2.2.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty C.P thủy sản Đại Yên	59
2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính của công ty CP thủy sản Đại Yên ..	68
2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP thủy sản Đại Yên	73
CHƯƠNG III: MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN ĐẠI YÊN	80
3.1 Đánh giá chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP thủy sản Đại Yên	80
3.1.1. Ưu điểm.....	80
3.1.2. Hạn chế.....	82
3.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP thủy sản Đại Yên.....	84
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP thủy sản Đại Yên.	84
3.2.2. Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP thủy sản Đại Yên.	85
KẾT LUẬN.....	95
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

MỞ ĐẦU

Những năm gần đây, nước ta đang trên đà phát triển, nền kinh tế chuyển mình rõ rệt, những Công ty lớn nhỏ được thành lập với nhiều hình thức khác nhau. Bên cạnh đó những doanh nghiệp phải đối mặt với những thử thách trong cuộc cạnh tranh để tồn tại và phát triển. Vì vậy vấn đề đặt ra trong sản xuất kinh doanh là làm thế nào để có được lợi nhuận cao nhất, chi phí bỏ ra thấp nhất thì doanh nghiệp mới có thể tồn tại, phát triển mạnh mẽ và đứng vững trong nền kinh tế thị trường. Bên cạnh sự quản trị tài giỏi của những người lãnh đạo doanh nghiệp, công tác tài chính kinh tế gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cần thiết cho các quyết định kinh tế. Việc đào tạo bồi dưỡng những kế toán viên đã và đang được coi trọng.

Vì vậy em chọn đề tài ***"Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thủy sản Đại Yên"*** cho bài khóa luận của mình.

Mục đích nghiên cứu:

- Hệ thống hóa những vấn đề lí luận về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Làm rõ thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP thủy sản Đại Yên.
- Đánh giá thực trạng và đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cho Công ty CP thủy sản Đại Yên.

Phạm vi nghiên cứu:

Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP thủy sản Đại Yên.

Phương pháp nghiên cứu:

- Phương pháp chung của chủ nghĩa duy vật biện chứng: đi từ lí luận đến thực tiễn, lấy thực tế để kiểm tra lí luận.
- Phương pháp cụ thể: phương pháp trình bày, diễn giải, so sánh, phân tích, quy nạp...
- Phương pháp thống kê: dựa trên những số liệu đã được thống kê để

phân tích, so sánh, đối chiếu từ đó nêu lên những ưu điểm, nhược điểm trong công tác kinh doanh nhằm tìm ra nguyên nhân và biện pháp khắc phục cho Công ty nói chung và cho công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung của khóa luận gồm 3 chương:

Chương I: Những lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương II: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần thủy sản Đại Yên.

Chương III: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần thủy sản Đại Yên.

Mặc dù đã cố gắng nghiên cứu, tìm hiểu và nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của các cô chú, anh chị trong phòng kế toán và dưới sự hướng dẫn của thầy giáo Th.S Nguyễn Văn Thụ, em đã phần nào nắm được tình hình thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty, tuy nhiên do trình độ lý luận và thời gian tiếp cận thực tế còn hạn chế nên bài viết của em không thể tránh khỏi những sai sót. Em mong nhận được sự đóng góp và ý kiến của các thầy cô giáo để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Quảng Ninh, Ngày 12 Tháng 5 Năm 2013

Sinh viên

Nguyễn Thị Thanh Trà

CHƯƠNG I

**NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ
TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH
DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ**

**1.1 Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh
doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.**

***1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác
định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.***

Trong hoạt động kinh doanh, để tạo ra được sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, các doanh nghiệp phải dùng tiền để mua sắm nguyên nhiên vật liệu, công cụ, dụng cụ... để tiến hành sản xuất tạo ra sản phẩm hàng hóa và các dịch vụ, tiến hành tiêu thụ và thực hiện các dịch vụ và thu tiền về, tạo nên doanh thu của doanh nghiệp. Ngoài phần doanh thu do tiêu thụ các sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra còn bao gồm các khoản doanh thu do các hoạt động khác mang lại. Do vậy, doanh thu của doanh nghiệp có vai trò rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Trước hết, doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để đảm bảo trang trải các khoản chi phí hoạt động kinh doanh, đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng. Là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện các nghĩa vụ đối với nhà nước như nộp các khoản thuế quy định. Ngoài ra, doanh thu còn là nguồn có thể tham gia góp vốn cổ phần, tham gia liên doanh, tham gia liên kết với các đơn vị khác. Trong trường hợp doanh thu không đủ đảm bảo cho các khoản chi phí đã bỏ ra, doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn về tài chính. Nếu tình trạng này kéo dài sẽ làm cho doanh nghiệp không đủ cạnh tranh trên thị trường và tất yếu sẽ đi đến phá sản.

***1.1.2. Vai trò, ý nghĩa của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả
kinh doanh.***

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp có vai trò và ý nghĩa quan trọng cho sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Đầu tiên phải kể đến doanh thu, doanh thu được thể hiện thông qua

quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ... là nguồn tài chính đảm bảo cho mọi khoản chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh, giúp cho doanh nghiệp tái sản xuất cũng như mở rộng sản xuất kinh doanh, có thể là nguồn tham gia vốn cổ phần, liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp tổ chức khác, ngoài ra nó cũng là một phần để doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước.

Doanh thu có vai trò quan trọng đối với doanh nghiệp cũng như nền kinh tế thị trường, phải làm sao cho doanh thu đủ để đảm bảo các khoản chi phí đặc bỏ ra trong quá trình sản xuất và tiêu thụ nếu không doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn về tài chính. Và cũng từ doanh thu ta xác định được kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Kết quả kinh doanh là kết quả sau cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh trong một thời kỳ nhất định. Nó có thể đưa ra những chiến lược sản xuất, những phương hướng phát triển doanh nghiệp nhằm giúp cho doanh thu, lợi nhuận ngày càng tăng cao và giảm được chi phí tới mức tối ưu.

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Để đáp ứng nhu cầu quản lý về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, kế toán cần phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau đây:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng loại thành phẩm, hàng hoá theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời và chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu của khách hàng.

- Tham mưu các giải pháp thúc đẩy bán hàng, tăng vòng quay của vốn.

- Cung cấp các thông tin cần thiết về tình hình bán hàng cho chủ doanh nghiệp kịp thời có số liệu, tình hình chỉ đạo hoạt động mua - bán kinh doanh của doanh nghiệp.

- Kiểm tra đôn đốc và thu hồi tiền hàng, khách hàng nợ, theo dõi chi tiết từng khách hàng, từng lô hàng và từng số tiền và thời hạn trả, tình hình trả nợ

của khách hàng.

- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định kết quả kinh doanh.

- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả của từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước để họ có căn cứ đánh giá sức mua, đánh giá tình hình tiêu dùng, đề xuất các chính sách ở tầm vĩ mô.

1.1.4. Một số khái niệm thuật ngữ liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.4.1. Doanh thu

- + Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- + Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: Bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán(nếu có).

- + Doanh thu thuần là doanh thu bán hàng sau khi đã trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu như: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp.

- + Doanh thu tài chính là các khoản thu nhập liên quan đến hoạt động tài chính, bao gồm hoạt động tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- + Thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

1.1.4.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm có:

✓ Chiết khấu thương mại:

Là khoản mà người bán thưởng cho người mua do người mua đã mua

hàng(sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ) với khối lượng lớn trong một thời gian nhất định theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết về mua bán hàng.

✓ Giảm giá hàng bán:

Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp(bên bán) chấp thuận một cách đặc biệt trên giá đã thoả thuận trên hoá đơn, vì lý do hàng bán kém phẩm chất, không đúng quy cách hoặc không đúng thời hạn ghi trong hợp đồng.

✓ Hàng bán bị trả lại:

Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách...Khi doanh nghiệp nhận lại giá trị hàng bán bị trả lại cần đồng thời ghi giảm tương ứng trị giá vốn hàng bán trong kỳ.

✓ Thuế xuất khẩu:

Thuế xuất khẩu hoặc thuế quan là tên gọi chung để gọi loại thuế trong lĩnh vực thương mại quốc tế. Thuế xuất khẩu được đánh vào tất cả các mặt hàng, dịch vụ trao đổi với nước ngoài, khi xuất khẩu qua biên giới Việt Nam. Doanh nghiệp trực tiếp xuất khẩu hoặc uỷ thác thì phải nộp thuế này.

✓ Thuế tiêu thụ đặc biệt

Là loại thuế được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh các mặt hàng, dịch vụ mà nhà nước không khuyến khích sản xuất kinh doanh, hạn chế tiêu thụ như: rượu, bia, thuốc lá, vàng mã...

✓ Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp:

Là thuế tính trên giá trị gia tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã xác định trong kỳ.

1.1.4.3. Chi phí

Theo chuẩn mực số 01 “Chuẩn mực chung” ban hành và công bố theo QĐ số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng BTC thì:

Chi phí là các khoản chi phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cho các hoạt động khác...mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Chi phí bao gồm các khoản chi phí sau:

✓ **Giá vốn hàng bán:**

Là giá trị giá vốn của sản phẩm, vật tư hàng hoá, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ là giá thành sản xuất hay chi phí sản xuất. Với vật tư tiêu thụ, giá vốn là trị giá sản xuất ghi sổ, còn với hàng hoá tiêu thụ, giá vốn bao gồm trị giá mua cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng hoá tiêu thụ.

✓ **Chi phí quản lý kinh doanh:**

Là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp và toàn bộ các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

✓ **Chi phí hoạt động tài chính:**

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh.

✓ **Chi phí khác:**

Là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

✓ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:**

Thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là khoản chi phí phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá dịch vụ và thu nhập khác.

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất thuế TNDN

1.1.4.4. Khái niệm về xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với trị giá vốn của hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh.

$$\begin{array}{rcccl} \text{Kết quả hoạt} & & & & \\ \text{động sản xuất} & & \text{Doanh thu thuần} & & \text{Chi phí} \\ \text{kinh doanh} & = & \text{từ bán hàng và} & - & \text{quản lý kinh} \\ \text{chính} & & \text{cung cấp dịch vụ} & - & \text{doanh} \\ & & & & \text{Giá vốn} \\ & & & & \text{hàng bán} \end{array}$$

- Kết quả hoạt động tài chính: là số chênh lệch giữa doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.

- Kết quả hoạt động khác: là số chênh lệch giữa thu nhập khác và chi phí khác.

- Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu quan trọng, thông qua chỉ tiêu này sẽ biết được trong kỳ sản xuất kinh doanh đã qua doanh nghiệp lãi hay lỗ, tức là kinh doanh hiệu quả hay chưa hiệu quả. Điều này giúp nhà quản lý đưa ra những chính sách phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.5. Bán hàng và các phương pháp bán hàng trong doanh nghiệp:

1.1.5.1 Bán hàng:

Bán hàng là quá trình cuối cùng trong chu kỳ kinh doanh. Thông qua bán hàng mà các giá trị và giá trị sử dụng của sản phẩm được thực hiện trên thị trường giúp cho doanh nghiệp thu hồi vốn bỏ ra. Cũng chính thông qua quá trình bán hàng mà bộ phận giá trị gia tăng tạo ra trong quá trình sản xuất được thực hiện và biểu hiện dưới hình thức lợi nhuận. Nếu đẩy mạnh được quá trình bán hàng sẽ góp phần tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đồng thời thoả mãn nhu cầu tiêu dùng của xã hội.

1.1.5.2. Các hình thức bán hàng:

Bán buôn:

Bao gồm hai hình thức:

- Bán hàng qua kho theo hình thức giao hàng trực tiếp: là bên mua cử đại diện đến kho của doanh nghiệp thương mại xuất hàng giao cho bên mua thanh toán tiền hay chấp nhận nợ khi đó hàng hóa được xác định là tiêu thụ.

- Bán buôn không qua kho theo hình thức chuyển thẳng: là doanh nghiệp thương mại khi mua hàng và nhận hàng không đưa về nhập kho mà vận chuyển thẳng giao cho bên mua tại kho người bán. Sau khi giao, nhận hàng đại diện bên mua ký nhận đủ hàng. Bên mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán tiền hàng thì khi đó hàng hóa được chấp nhận là tiêu thụ.

Phương thức bán lẻ:

Có 5 hình thức:

- Hình thức bán hàng thu tiền trực tiếp: nhân viên bán hàng trực tiếp bán hàng cho khách và thu tiền.

- Hình thức bán hàng thu tiền tập trung: Khách hàng nhận giấy thu tiền, hoá đơn hoặc tích kê của nhân viên bán hàng rồi đến nhận hàng ở quầy hàng hoặc kho. Nhân viên bán hàng căn cứ vào hoá đơn, tích kê để kiểm kê số hàng bán ra trong ngày.

- Hình thức bán hàng tự phục vụ: khách hàng tự chọn hàng hóa và trả tiền cho nhân viên bán hàng. Hết ngày nhân viên bán hàng nộp tiền vào quỹ.

- Hình thức bán hàng trả góp: người mua trả tiền mua hàng thành nhiều lần. Doanh nghiệp thương mại ngoài số tiền thu theo hoá đơn giá bán hàng hoá còn thu thêm khoản tiền lãi trả chậm của khách.

- Hình thức bán hàng tự động: Hình thức này không cần nhân viên bán hàng đứng quầy giao hàng và nhận tiền tiền của khách. Khách hàng tự động cho thẻ tín dụng của mình vào máy bán hàng và nhận hàng (Hình thức này chưa phổ biến rộng rãi ở nước ta nhưng ngành xăng dầu cũng đã bắt đầu áp dụng bằng việc tạo ra một số cây xăng bán hàng tự động ở các trung tâm thành phố lớn).

Phương thức gửi đại lý bán:

Doanh nghiệp thương mại giao hàng cho cơ sở nhận đại lý. Họ nhận hàng và thanh toán tiền cho doanh nghiệp thương mại rồi sau đó được nhận hoa hồng đại lý bán (hàng hóa thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp thương mại). Hàng hóa được xác nhận là tiêu thụ khi doanh nghiệp nhận được tiền cho bên nhận đại lý thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán.

1.2 Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ:

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu:

1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng:

Điều kiện ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận doanh thu khi thỏa mãn 5 điều kiện sau:

1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
4. Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
5. Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc hạch toán doanh thu bán hàng:

Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT và doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu là giá bán chưa thuế GTGT.

Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT và doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán có cả thuế GTGT)

Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, thuế XK thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán đã bao gồm thuế TTĐB

hoặc thuế XK)

Doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu số tiền thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

Đối với bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu đã xác định.

Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn bán hàng thông thường (Mẫu số 02 GTKT-3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

- Hoá đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 01 GTGT-3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi (Mẫu 14 - BH)

- Thẻ quầy hàng (Mẫu 15 - BH)

- Các chứng từ thanh toán (phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, uỷ nhiệm thu, giấy báo có ngân hàng, bảng sao kê của ngân hàng...)

- Chứng từ kế toán liên quan khác như: phiếu xuất kho, phiếu nhập kho, hoá đơn vận chuyển, bốc dỡ...

Tài khoản sử dụng

Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Tài khoản 511 có các tài khoản cấp 2 sau:

TK5111-Doanh thu bán hàng hoá

TK5112- Doanh thu bán thành phẩm

TK5113- Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK5118- Doanh thu khác

❖ **Kết cấu tài khoản 511:**

Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp.
- Số thuế TTĐB, thuế XK phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm hàng hóa, dịch vụ đã được cung cấp cho khách hàng và được nhận là đã bán trong kỳ kế toán.
- Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.
- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.
- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.
- Kết chuyển doanh thu thuần vào TK911 để xác định kết quả kinh doanh.

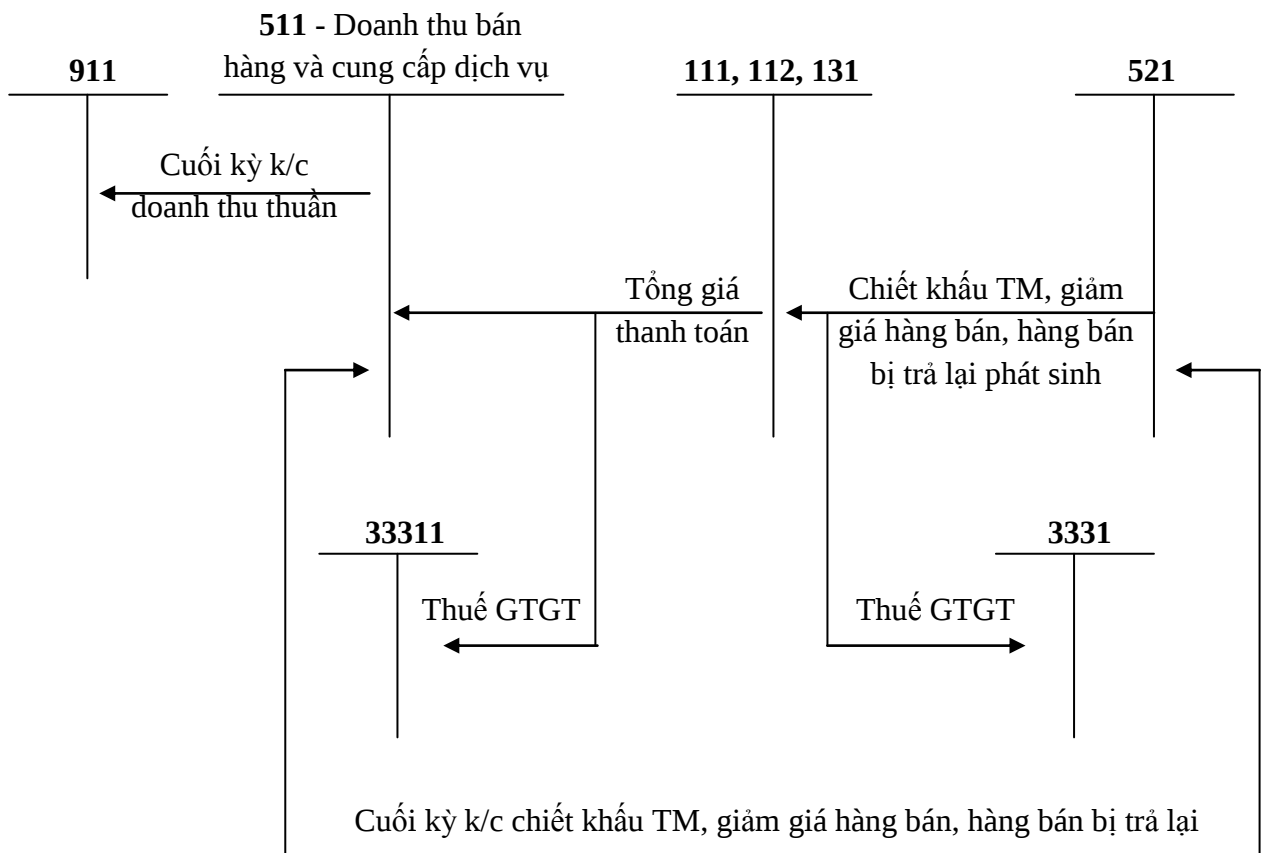
Bên Có:

- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm, cung cấp lao vụ, dịch vụ trong kỳ và doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư.
 - Các khoản phụ giá, trợ thu được tính vào doanh thu.
- Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

❖ **Tài khoản 511 có bốn (4) tiểu khoản cấp 2:**

- Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hóa
- Tài khoản 5112 – Doanh thu bán các thành phẩm
- Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Tài khoản 5118 – Doanh thu khác

Phương pháp kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được khái quát bằng sơ đồ 1.1



Sơ đồ 1.1 – Phương pháp kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản làm cho doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp bị giảm đi như chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán, thuế xuất khẩu, thuế TTĐB, thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp.

Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn giá trị gia tăng, hoá đơn bán hàng thông thường.
- Các chứng từ thanh toán như: phiếu nhập, phiếu chi, séc thanh toán, séc chuyển khoản, uỷ nhiệm chi, giấy báo nợ... và các chứng từ khác có liên quan.

Tài khoản sử dụng.

521 – Các khoản giảm trừ doanh thu

• TK 5211 – Chiết khấu thương mại

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh

nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua (sản phẩm, hàng hóa), dịch vụ với khối lượng lớn và theo giá thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hàng cam kết mua, bán hàng).

Bên Nợ:

- Số chiết khấu Thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

Bên Có:

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu của kỳ kế toán.
 - Tài khoản 5211 không có số dư cuối kỳ.

- **TK 5212 – Hàng bán bị trả lại**

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại (tính theo đúng đơn giá bán ghi trên hóa đơn). Các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bán hàng bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được phản ánh vào tài khoản 6421 “Chi phí bán hàng”.

Bên Nợ:

- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả tiền cho người mua tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.

Bên Có:

- Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên Nợ Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

- **TK 5213 – Giảm giá hàng bán**

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán. Tài khoản chỉ phản ánh các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giá sau khi đã bán hàng và phát hành hóa đơn (giảm giá ngoài hóa đơn) do hàng bán kém phẩm chất,...

Bên Nợ:

- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách, quy định trong hợp đồng kinh tế.

Bên Có:

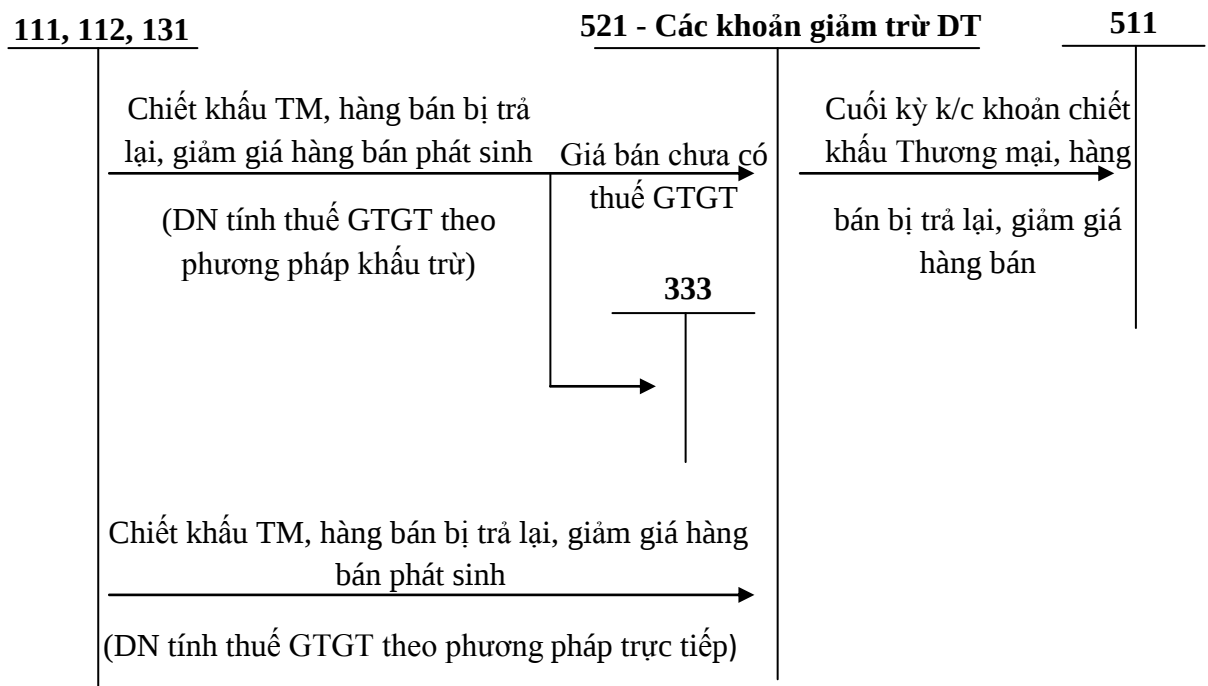
- Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang Tài khoản 511 “

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”.

➤ Tài khoản 5213 không có số dư cuối kỳ.

Ngoài ra còn sử dụng TK 333 “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước”, phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu như: thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp (TK 3331), thuế tiêu thụ đặc biệt (TK3332), thuế xuất khẩu (TK3333).

 **Phương pháp kế toán các khoản giảm trừ doanh thu được khái quát bằng sơ đồ 1.2**



Sơ đồ 1.2 – Phương pháp kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán:

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của sản phẩm, hàng hóa hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Các doanh nghiệp hiện nay, tùy thuộc vào sự hoạt động sản xuất của doanh nghiệp mà chọn ra cho mình một phương pháp tính giá vốn phù hợp qua các phương pháp sau:

 **Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho:**

Theo chuẩn mực số 02-HTK ban hành và công bố theo QĐ số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, việc tính giá mua thực tế của hàng xuất

kho để bán được tính theo một trong bốn phương pháp sau:

(1). Phương pháp nhập trước - xuất trước(FIFO)

Phương pháp này dựa trên giả thiết lô hàng nhập kho trước sẽ được xuất kho trước, vì vậy hàng tồn kho đầu kỳ giả định là xuất kho trước tiên, số hàng hoá sau đó được xuất kho theo đúng thứ tự như chúng được mua vào nhập kho. Việc tính giá vốn hàng bán theo phương pháp này có ưu điểm là giá vốn của hàng tồn kho trên báo cáo kế toán sát với giá thị trường tại thời điểm lập báo cáo. Trị giá hàng hoá xuất kho thường bị phản ánh kém chính xác, đặc biệt là trong trường hợp có sự biến động tăng lên về giá.

(2). Phương pháp nhập sau - xuất trước(LIFO)

Áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho. Phương pháp Nhập sau - xuất trước thích hợp trong trường hợp có lạm phát.

(3). Phương pháp bình quân gia quyền

Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho được căn cứ vào số lượng vật tư xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền, theo công thức:

$$\begin{array}{ccccc} \text{Trị giá vốn thực tế} & & \text{Số lượng hàng} & & \text{Đơn giá bình} \\ & & & \text{X} & \\ \text{của hàng xuất kho} & = & \text{xuất kho} & & \text{quân} \end{array}$$

Trong đó, đơn giá bình quân được tính theo hai phương pháp:

- Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:

$$\begin{array}{c} \text{Đơn giá bình} \\ \text{quân của hàng} \\ \text{hoá xuất kho} \\ \text{trong kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{c} \text{Trị giá thực tế hàng} \\ \text{tồn đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{c} \text{Trị giá thực tế hàng hóa} \\ \text{nhập trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{c} \text{Số lượng hàng hóa} \\ \text{tồn đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{c} \text{Số lượng hàng hóa} \\ \text{nhập trong kỳ} \end{array}}$$

Phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ tuy đơn giản, dễ làm nhưng độ chính xác không cao. Hơn nữa, công việc tính toán đơn giản dồn vào cuối tháng, gây ảnh hưởng đến công tác quyết toán nói chung.

- Phương pháp bình quân sau mỗi lần nhập:

$$\frac{\text{Giá đơn vị bình quân sau lần nhập thứ } i}{\text{Trị giá thực tế hàng hoá tồn kho sau lần nhập thứ } i} = \frac{\text{Số lượng thực tế hàng hoá tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng thực tế hàng hoá tồn kho sau lần nhập thứ } i}$$

Phương pháp giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập lại khắc phục được nhược điểm của phương pháp trên, vừa chính xác, vừa cập nhật. Nhược điểm của phương pháp này là tốn nhiều công sức, tính toán nhiều lần.

(4). Phương pháp tính theo giá đích danh

Phương pháp này dựa trên cơ sở xuất kho hàng hoá thuộc lô hàng nào thì lấy đúng giá vốn của lô hàng đó để tính giá vốn hàng xuất kho. Áp dụng phương pháp này trong trường hợp kế toán nhận diện được từng lô hàng, từng loại hàng hoá tồn kho, từng lần mua vào và từng đơn giá theo từng hoá đơn của chúng. Phương pháp này được áp dụng trong trường hợp doanh nghiệp kinh doanh những mặt hàng có giá trị cao, số lần nhập xuất ít.

Chứng từ sử dụng

Phiếu xuất kho

Phiếu báo vật tư, bảng kê mua hàng

Hóa đơn mua hàng, phiếu xuất kho gửi đại lý

Bảng thanh toán hàng đại lý ký gửi

Hóa đơn bán hàng và hóa đơn GTGT, thẻ quầy hàng...

Tài khoản sử dụng:

- **Kế toán sử dụng tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán**

Bên Nợ:

- Giá vốn hàng đã bán.
- Lập dự phòng giảm giá hàng hoá tồn kho.

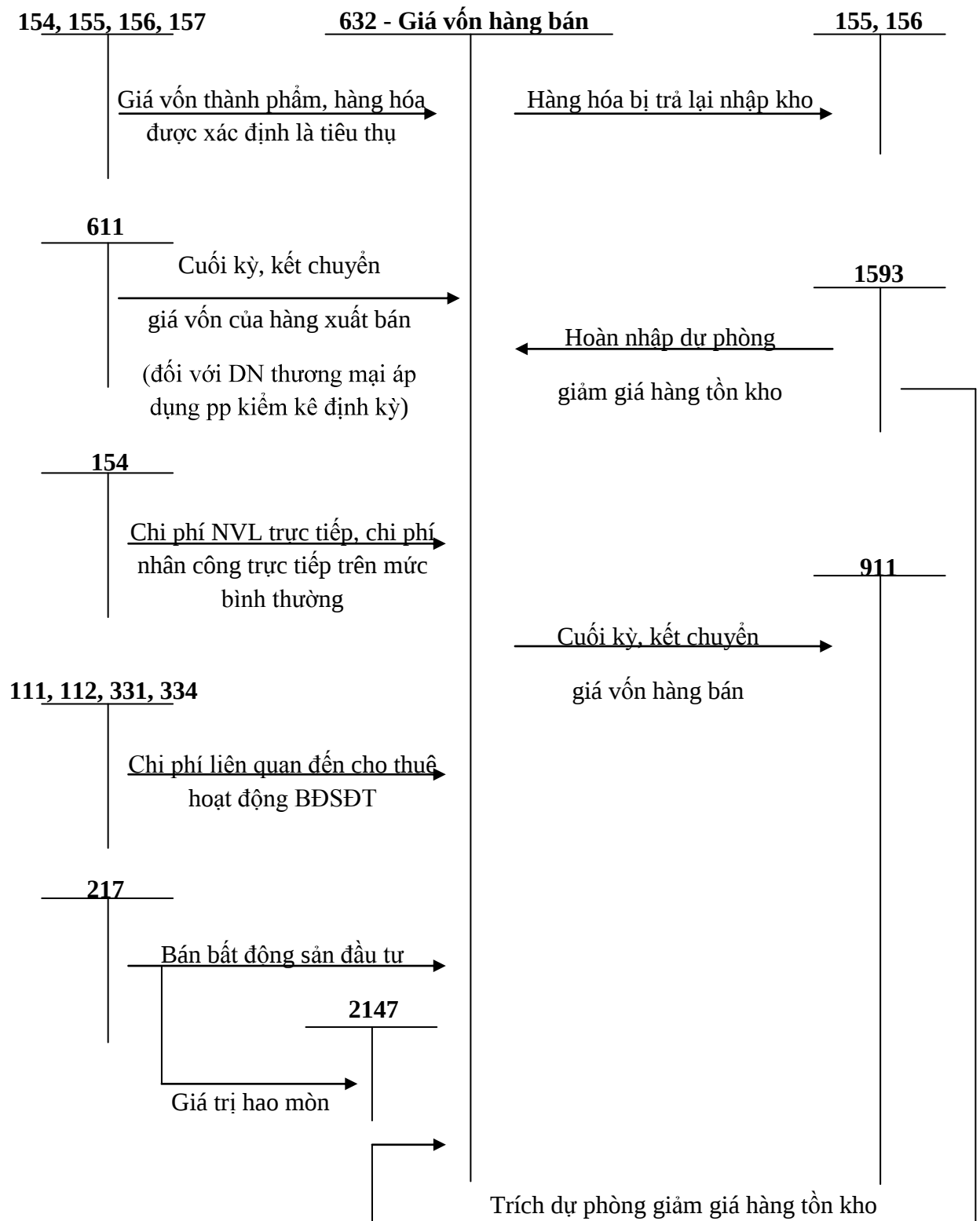
Bên Có:

- Hoàn nhập khoản dự phòng.

Kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.

- Tài khoản 632 không có số dư

Phương pháp kế toán giá vốn hàng bán được khái quát bằng sơ đồ 1.3



Sơ đồ 1.3 – Phương pháp kế toán giá vốn hàng bán

1.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

Chi phí quản lý kinh doanh là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp.

Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01 GTKT – 3LL)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 – TT)
- Bảng phân bổ lương và các khoản trích theo lương (Mẫu số 11 – LĐTL)
- Các chứng từ kế toán khác có liên quan.

Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng tài khoản 642 – chi phí quản lý kinh doanh.

- **TK 6421 – Chi phí bán hàng**

Tài khoản này được dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Bên Nợ:

- Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Bên Có:

- Kết chuyển chi phí bán hàng vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

➤ Tài khoản 6421 không có số dư cuối kỳ.

- **TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp.

Bên Nợ:

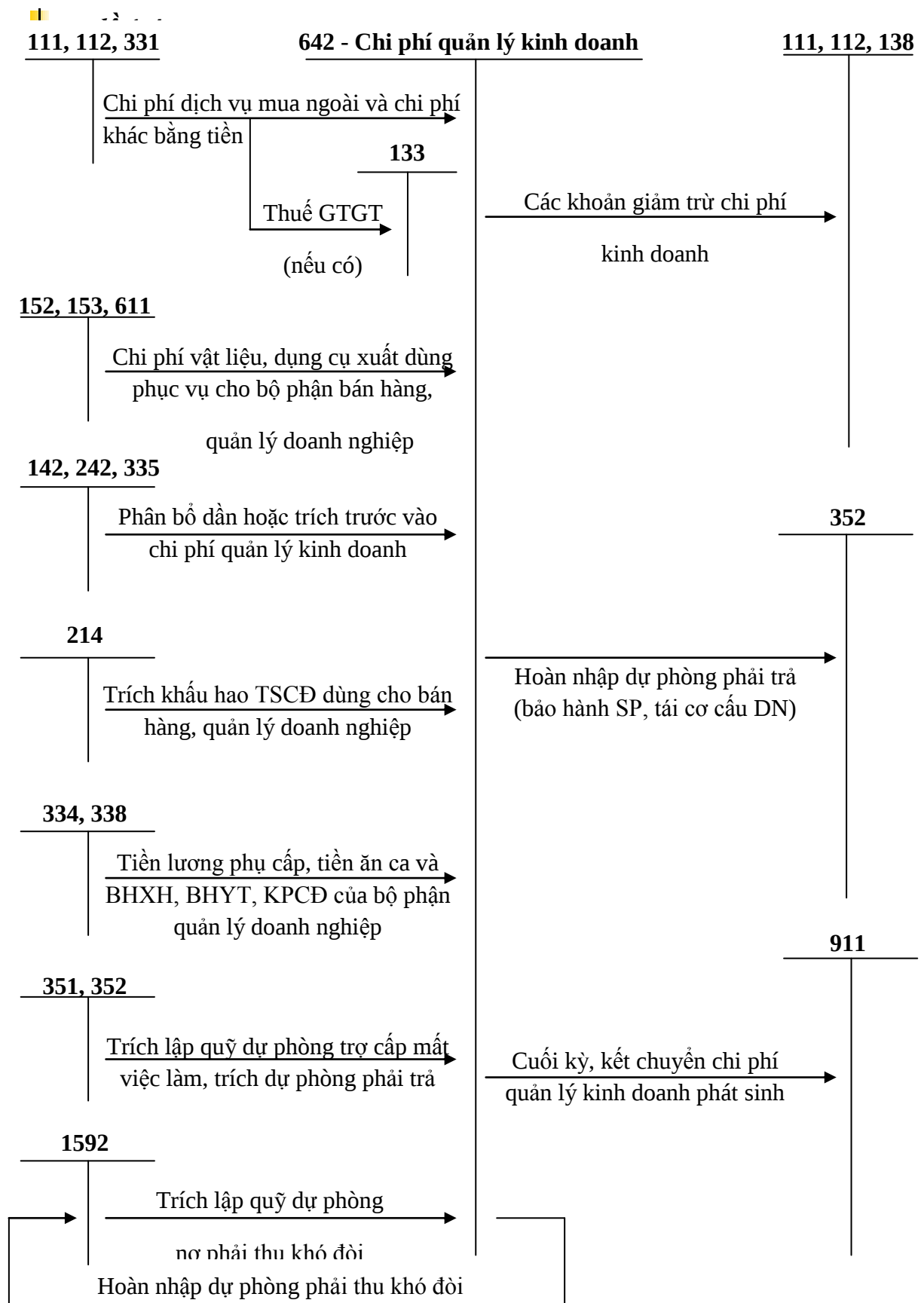
- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

Bên Có:

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ Tài khoản 6422 không có số dư cuối kỳ.

Phương pháp kế toán chi phí quản lý kinh doanh được khái quát bằng



1.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

1.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Kế toán doanh thu hoạt động tài chính là những khoản doanh thu do hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn đưa lại, gồm một số nội dung sau:

- Lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ, lãi tỷ giá hối đoái, chênh lệch do bán ngoại tệ, chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn, các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác...

Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu(mẫu số 01-TT)
- Giấy báo có của ngân hàng
- Các khế ước cho vay, biên bản ghi nhận nợ.
- Các chứng từ có liên quan...

Tài khoản sử dụng:

- **Kế toán sử dụng tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính**

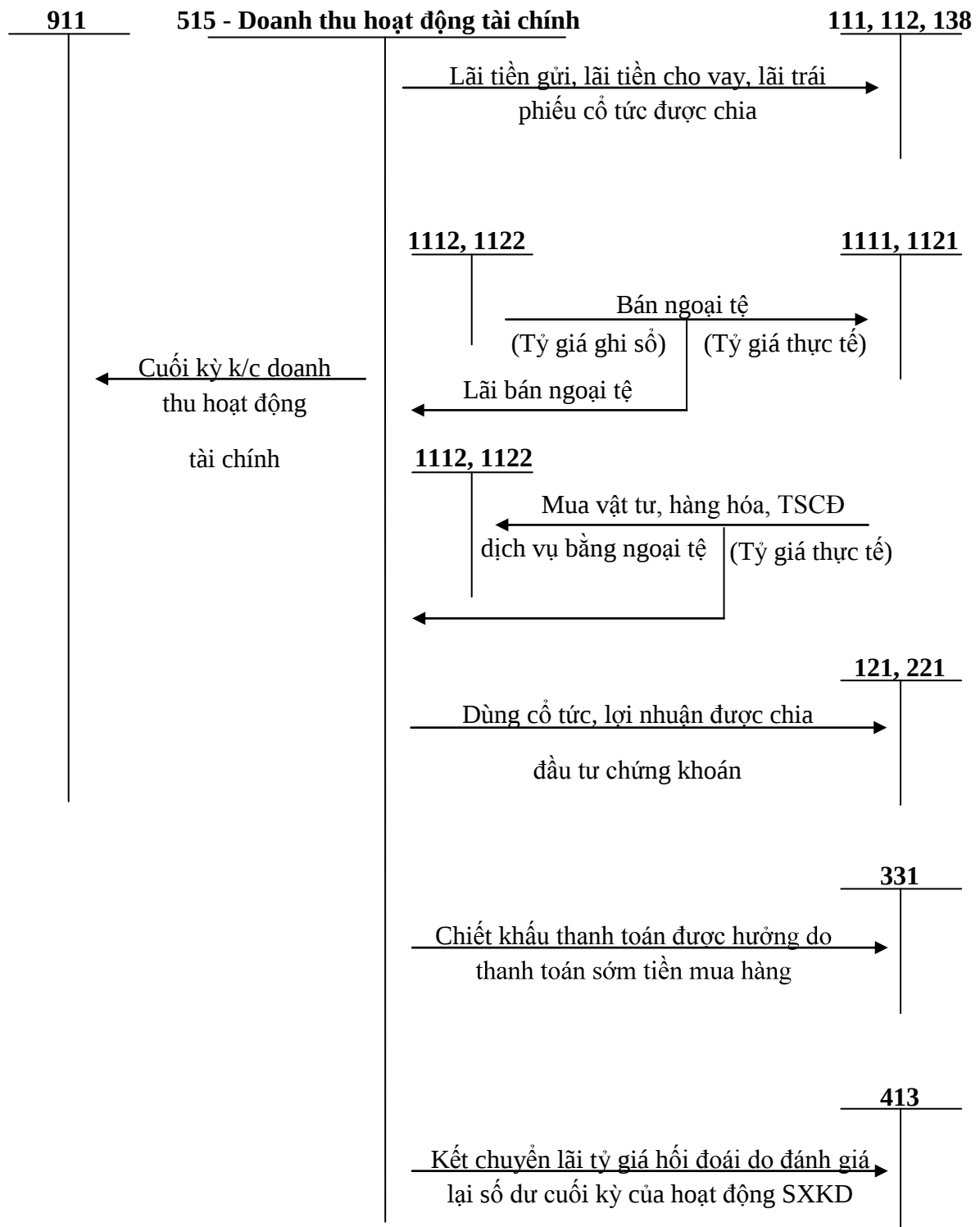
Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911

Bên Có:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ
 - Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

Phương pháp kế toán doanh thu hoạt động tài chính được khái quát bằng sơ đồ 1.5



Sơ đồ 1.5 – Phương pháp kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.4.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính là những khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán,... Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi(mẫu số 02-VT), giấy báo nợ của ngân hàng
- Các khế ước đi vay, biên bản ghi nhận nợ
- Các chứng từ khác có liên quan...

Tài khoản sử dụng

- **Kế toán sử dụng tài khoản 635 – Chi phí tài chính.**

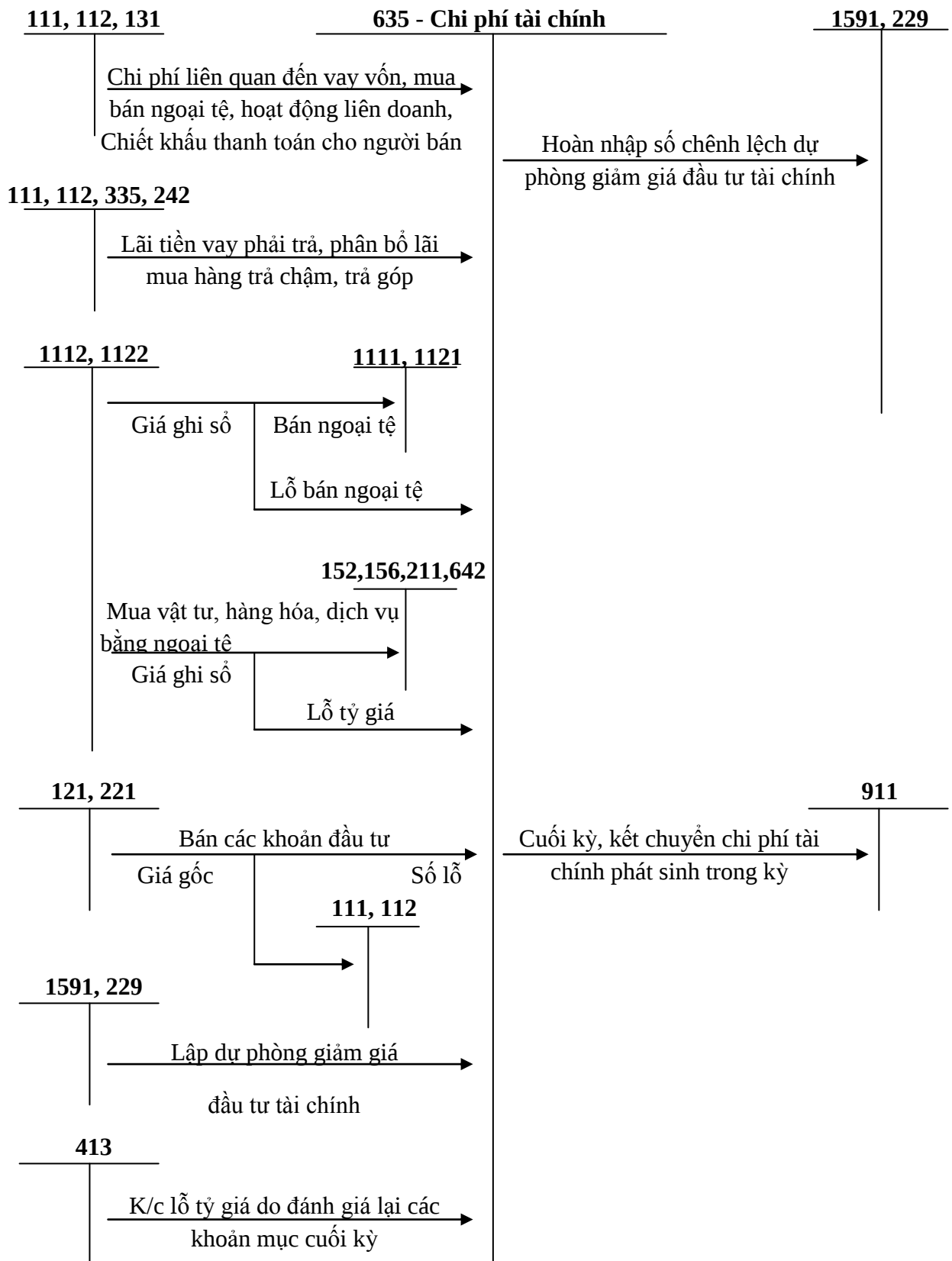
Bên Nợ:

- Các khoản chi phí hoạt động tài chính
- Các khoản lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh, do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

Bên Có:

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định lại kết quả kinh doanh.

Phương pháp kế toán chi phí hoạt động tài chính được khái quát bằng sơ đồ 1.6



Sơ đồ 1.6 – Phương pháp kế toán chi phí tài chính

1.2.5. Kế toán thu nhập, chi phí khác:

1.2.5.1. Kế toán thu nhập khác

Thu nhập hoạt động khác: là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường, thu nhập hoạt động khác bao gồm các nội dung sau:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ.
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản, thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ.
- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại...

Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng
- Biên bản thanh lý tài sản cố định
- Các chứng từ khác có liên quan...

Tài khoản sử dụng

- **Kế toán sử dụng tài khoản 711 – Thu nhập khác.**

Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp
- Kết chuyển xác định kết quả kinh doanh.

Bên Có:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ.
- Thu tiền do khách hàng vi phạm hợp đồng; Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ.
- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại.
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, bằng hiện vật của các tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp.
- Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót.

1.2.5.2. Kế toán chi phí khác

Chi phí hoạt động khác: là các khoản chi phí phát sinh ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường. Chi phí khác bao gồm một số nội dung sau:

- Chi phí thanh lý nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ chỉ thanh lý và nhượng bán (nếu có)
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.
- Bị phạt do thuế, truy nộp thuế.
- Các khoản chi phí khác..

Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng
- Biên bản thanh lý tài sản cố định
- Các chứng từ khác có liên quan...

Tài khoản sử dụng

- **Kế toán sử dụng tài khoản 811 – Chi phí khác**

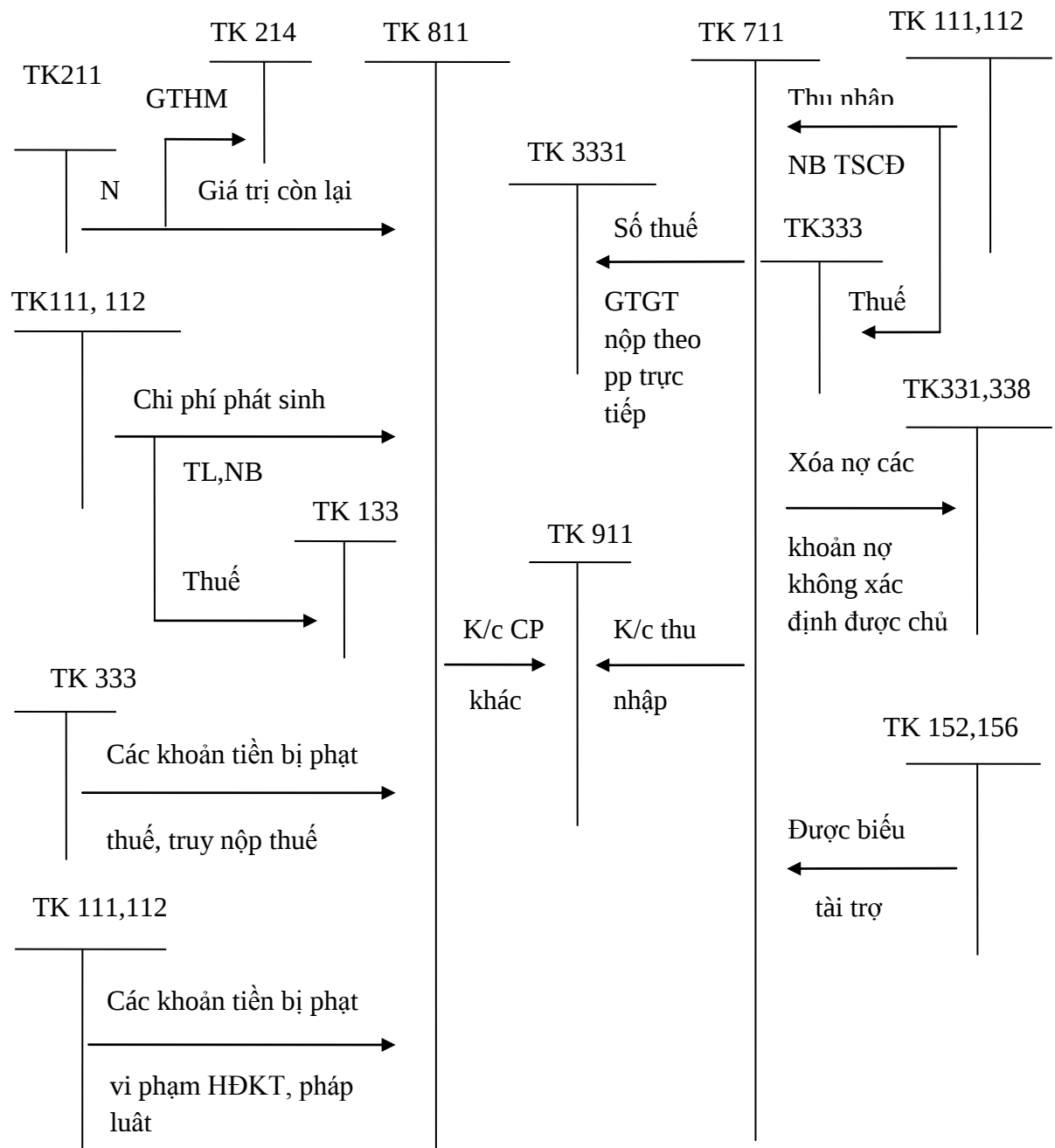
Bên Nợ :

- Các khoản chi phí khác phát sinh

Bên Có:

- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào Tài khoản 911 “ Xác định kết quả kinh doanh”.
- Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

Phương pháp kế toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát bằng sơ đồ 1.7



Sơ đồ 1.7 – Phương pháp kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh:

Kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng mà doanh nghiệp đạt được trong một thời kỳ nhất định do các hoạt động sản xuất kinh doanh và do hoạt động khác mang lại được biểu hiện thông qua chỉ tiêu lãi hoặc lỗ.

Cách xác định kết quả kinh doanh:

- $\text{Doanh thu thuần} = \text{DT bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Chiết khấu thương mại} - \text{Giảm giá hàng bán} - \text{Hàng bán bị trả lại} - \text{Thuế TTĐT, XK (nếu có)}$.
- $\text{Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ} = \text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thuần} - \text{Giá vốn hàng bán}$.
- $\text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ} = \text{Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Chi phí quản lý kinh doanh}$.
- $\text{Lợi nhuận từ hoạt động tài chính} = \text{Thu nhập hoạt động tài chính} - \text{Chi phí hoạt động tài chính}$.
- $\text{Lợi nhuận từ hoạt động khác} = \text{Thu nhập từ hoạt động khác} - \text{Chi phí hoạt động khác}$.

Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán và các chứng từ khác có liên quan...

Tài khoản sử dụng:

- **Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh**

Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ.
- Chi phí quản lý kinh doanh.
- Chi phí tài chính.
- Chi phí khác.
- Chi phí thuế TNDN.
- Kết chuyển lãi.

Bên Có:

- Doanh thu thuần của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ.

- Doanh thu hoạt động tài chính.
- Thu nhập khác.
- Khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN.
- Kết chuyển lỗ.

➤ Tài khoản 911 không có số dư

- **Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối**

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế TNDN và tình hình phân phối, xử lý kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Tài khoản 421 có 2 tài khoản cấp 2 sau:

TK4211 - Lợi nhuận chưa phân phối năm trước.

TK4212 - Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.

Bên Nợ:

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp, chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, nhà đầu tư...
- Bổ sung vốn kinh doanh.
- Lợi nhuận nộp cấp trên.

Bên Có:

- Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ.
- Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ cấp dưới được cấp trên bù.
- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.

➤ TK 421 có thể có số dư bên Nợ hoặc bên Có:

- Số dư bên Nợ: Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý
- Số dư bên Có: Số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng

- **Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Bên Nợ:

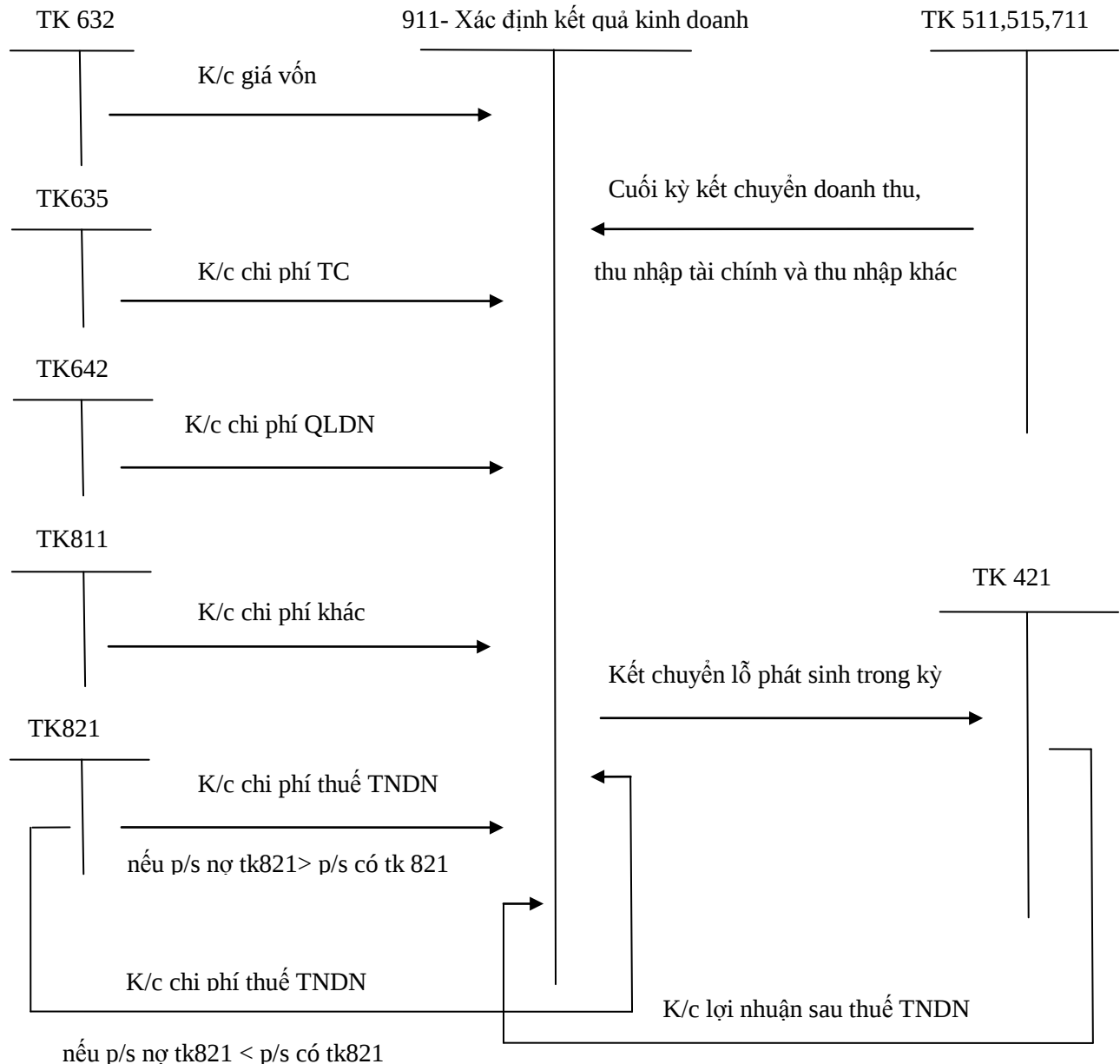
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm.

Bên Có:

- Kết chuyển xác định kết quả kinh doanh.

➤ Tài khoản 821 không có số dư

Phương pháp kế toán xác định kết quả kinh doanh được khái quát bằng sơ đồ 1.8



Sơ đồ 1.8 – Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.3. Hệ thống sổ kế toán và hình thức kế toán sử dụng tại các doanh nghiệp

Để ghi chép, hệ thống hoá thông tin kế toán, doanh nghiệp phải sử dụng một hình thức kế toán nhất định, phù hợp với đặc điểm, quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và trình độ của đội ngũ cán bộ kế toán hiện có.

1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép vào sổ Nhật ký chung mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

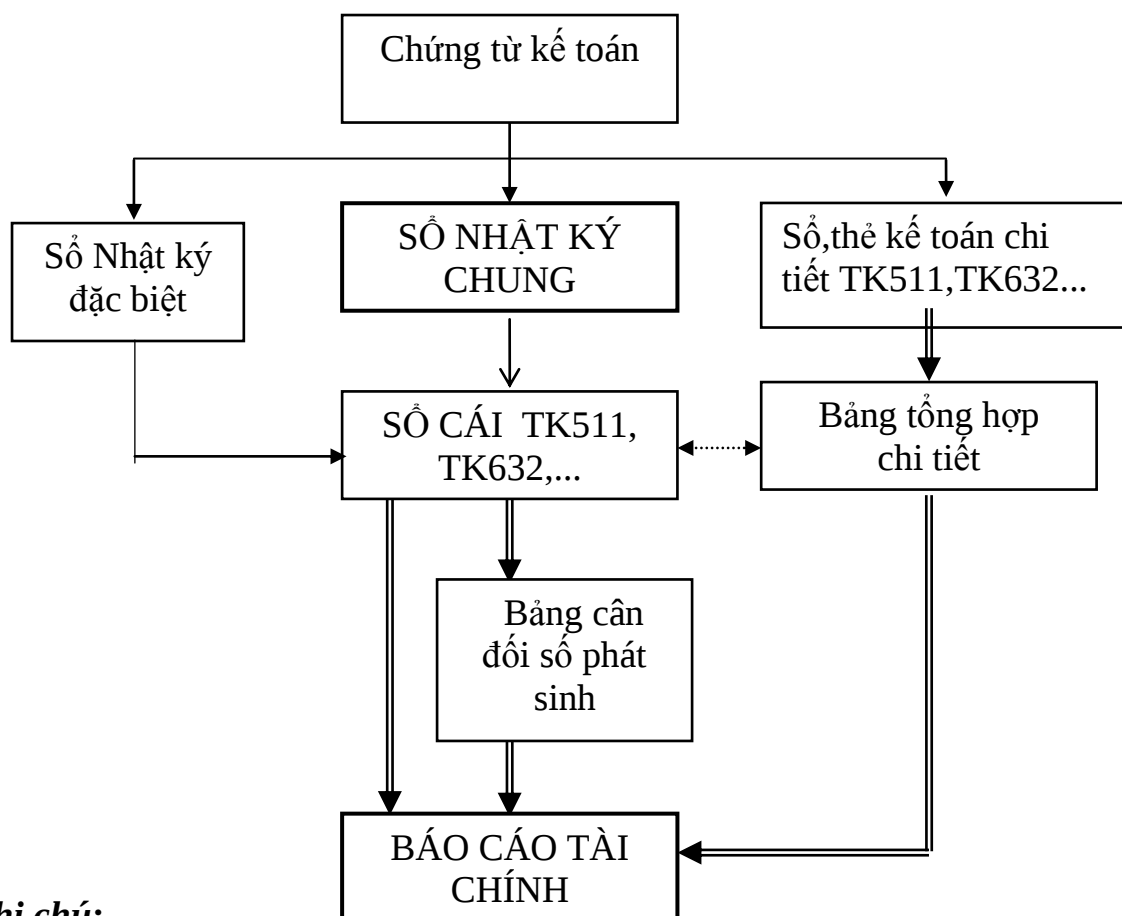
Hình thức Nhật ký chung bao gồm các loại sổ chủ yếu:

- Sổ Nhật ký chung, sổ Nhật ký đặc biệt, sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

☞ Ưu điểm: Dễ ghi chép, đơn giản, thuận tiện cho công việc phân công lao động kế toán.

☞ Nhược điểm: còn trùng lặp trong khâu ghi chép.

📊 Quy trình hạch toán thể hiện qua sơ đồ 1.9



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
- ←.....→ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái

Đặc trưng cơ bản: Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký sổ cái. Căn cứ vào nhật ký sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

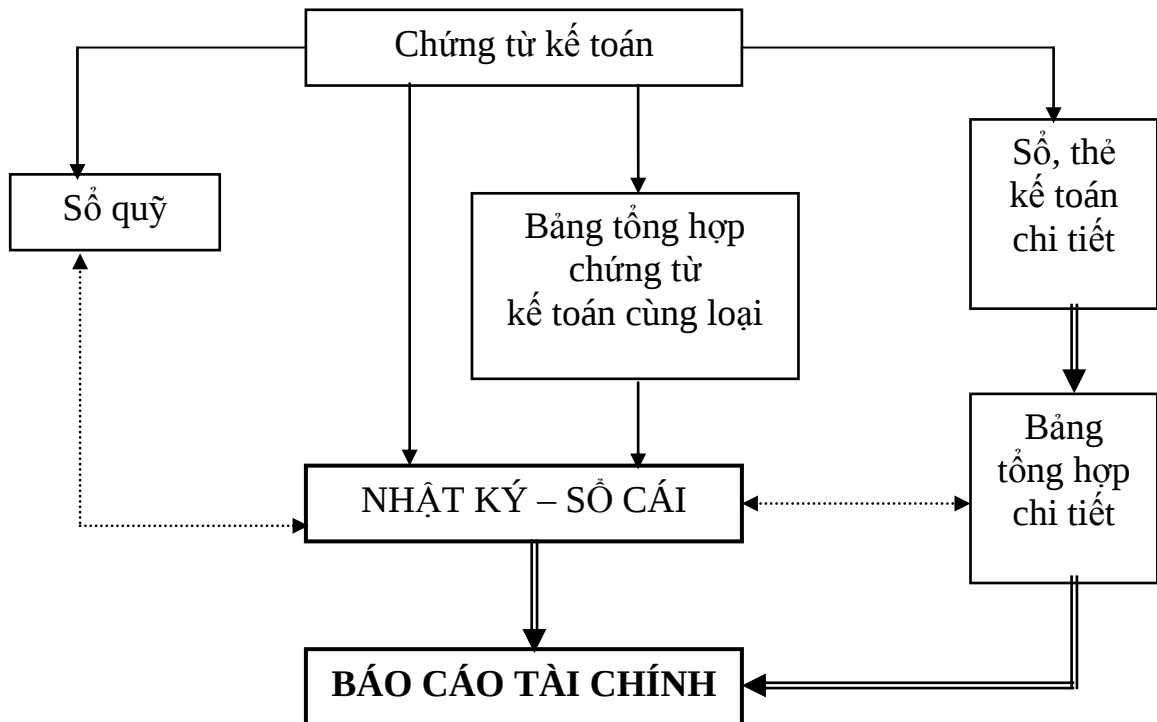
Hình thức Nhật ký - Sổ cái bao gồm các loại sổ chủ yếu:

- Nhật ký - Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

☞ Ưu điểm: Đơn giản, rõ ràng, dễ hiểu, dễ đối chiếu, không cần lập bảng cân đối phát sinh các tài khoản.

☞ Nhược điểm: Khó cho phân công lao động kế toán, không thích hợp với đơn vị có quy mô vừa và lớn, có nhiều hoạt động kinh tế sử dụng nhiều tài khoản.

 Quy trình hạch toán được thể hiện qua sơ đồ 1.10



Sơ đồ 1.10 – Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái

Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng ⇒

Đối chiếu, kiểm tra ↔

1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Đặc trưng cơ bản: Căn cứ trực tiếp để ghi kế toán tổng hợp là chứng từ ghi sổ. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.
- Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái

Chứng từ ghi sổ được đánh số liên tục trong tháng hoặc cả năm (theo STT trong sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

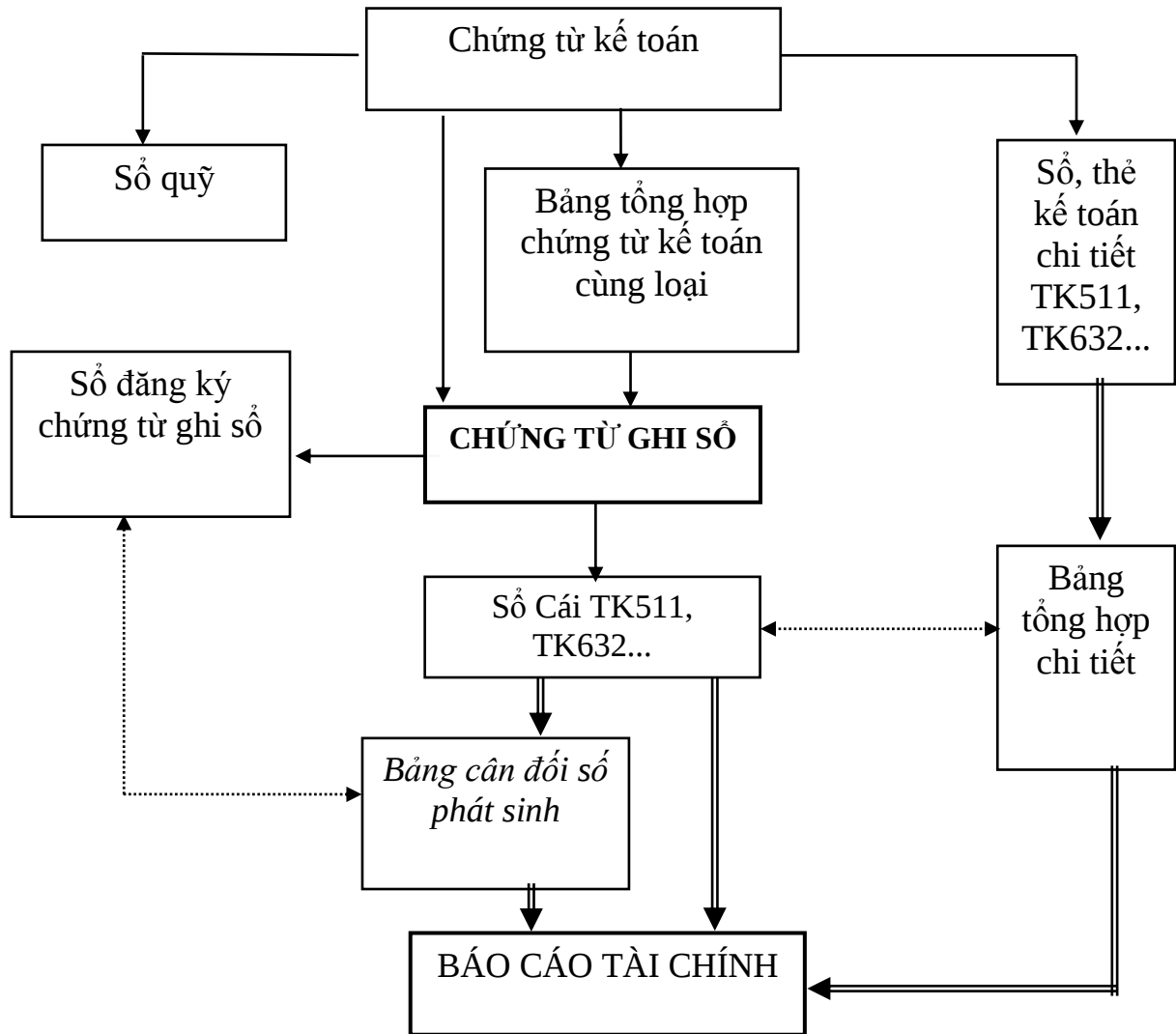
Hình thức Chứng từ ghi sổ bao gồm các loại sổ chủ yếu:

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

☞ Ưu điểm: Phù hợp với mọi loại hình đơn vị, tiện cho việc áp dụng máy tính.

☞ Nhược điểm: Dễ bị trùng lặp

Quy trình hạch toán như sơ đồ 1.11:



Sơ đồ 1.11 – Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- =====→ Ghi cuối tháng
- ←-----→ Đối chiếu, kiểm tra

1.3.4. Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ

Đặc trưng cơ bản: Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ phát sinh theo bên có của tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng nợ.

Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế.

Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên

cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

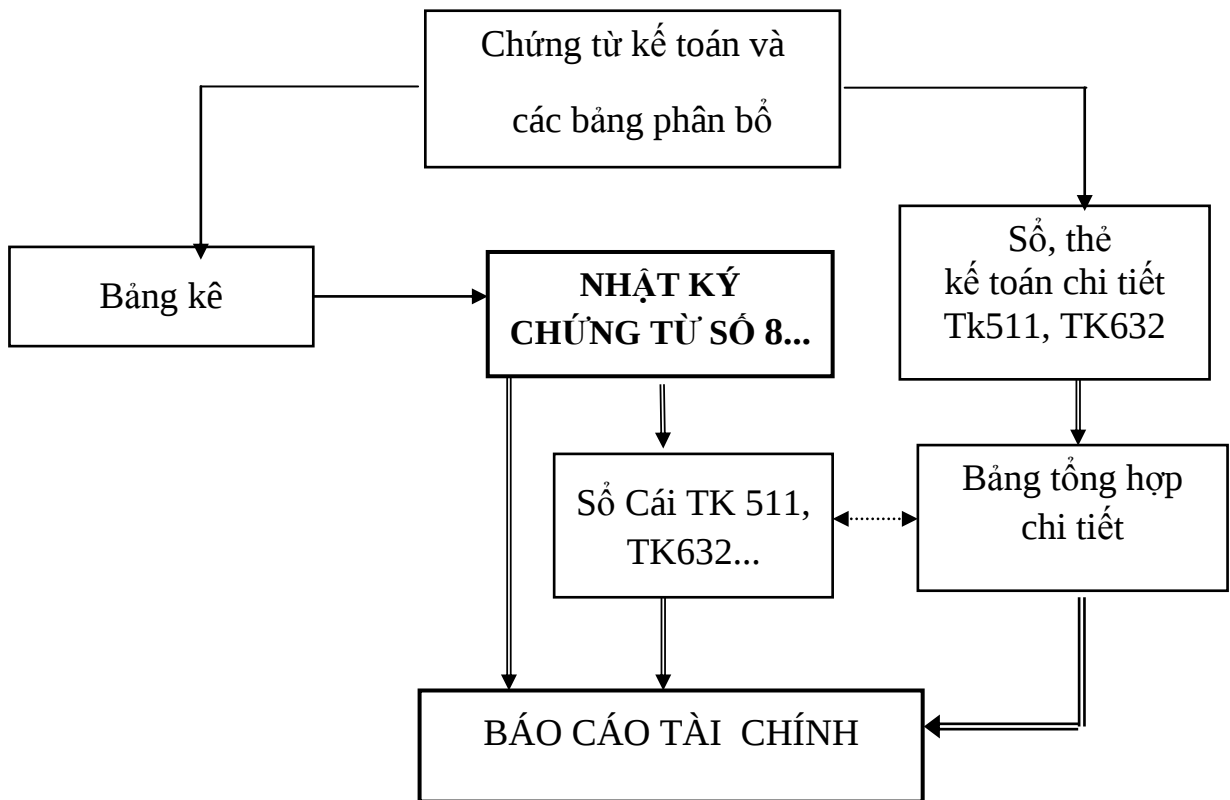
Hình thức Nhật ký - Chứng từ bao gồm các loại sổ chủ yếu:

- Nhật ký chứng từ
- Bảng kê
- Sổ cái
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết

☞ Ưu điểm: Phù hợp với doanh nghiệp lớn.

☞ Nhược điểm: Số lượng nghiệp vụ nhiều, không phù hợp với kế toán máy.

 **Quy trình hạch toán như sơ đồ 1.12**



Sơ đồ 1.12 – Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký – chứng từ

Ghi chú:

- | | |
|---------------------|---|
| Ghi hàng ngày |  |
| Ghi cuối tháng |  |
| Đối chiếu, kiểm tra |  |

1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

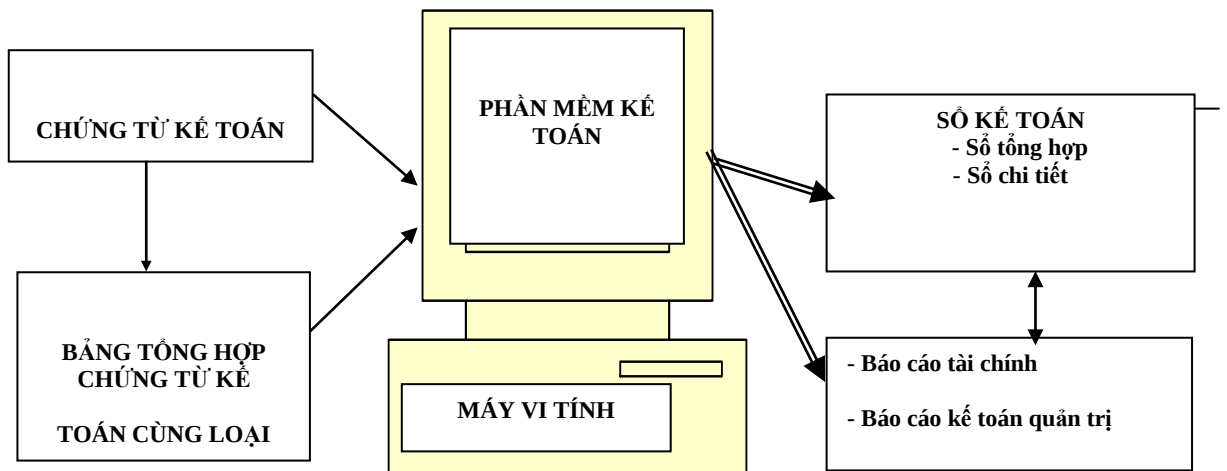
Đặc trưng cơ bản: Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

☞ Ưu điểm: Phù hợp với mọi loại hình doanh nghiệp, đơn giản, chính xác, kịp thời, tiết kiệm chi phí.

 **Quy trình hạch toán như sơ đồ 1.13:**



Sơ đồ 1.13 – Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

Ghi chú:

Nhập số liệu hàng ngày	→
In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm	⇒
Đối chiếu, kiểm tra	↔

CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN ĐẠI YÊN

2.1. Khái quát chung về công ty cổ phần Thủy sản Đại Yên

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty CP Thủy sản Đại Yên

Công ty Cổ phần thủy sản Đại Yên tiền thân là Xí nghiệp Nước mắm Đại Yên, được thành lập năm 1967, sản xuất chế biến Nước mắm theo phương pháp truyền thống. Năm 2000 Xí nghiệp chuyển đổi sang mô hình Công ty Cổ phần chuyên sản xuất kinh doanh, chế biến nước mắm, nuôi trồng thủy sản, chế biến thức ăn chăn nuôi.

Với số vốn góp ban đầu 2.800.000.000 đồng, công ty đã mở rộng quy mô, mua sắm máy móc thiết bị và một số TSCĐ khác để nâng cao năng lực chế biến, sản xuất kinh doanh.

Để có thể đứng vững và nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường, ngày 07 tháng 04 năm 2000, Công ty Cổ phần thủy sản Đại Yên chính thức được thành lập.

Tên công ty: Công ty Cổ phần thủy sản Đại Yên.

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần thủy sản Đại Yên.

* Địa chỉ: Khu Yên Cư – Phường Đại Yên – TP Hạ Long – Tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại: 0333.857004

* Số tài khoản: **801 220 100 1189** tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn AGRIBANK.

* Mã số thuế: **5700100961**

* Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần

* Lĩnh vực kinh doanh: sản xuất nước mắm

* Cổ đông góp vốn:

Ông Nguyễn Hữu Nguyên: 1.700.000.000đ

Ông Trần Văn Hoàng: 1.100.000.000đ

Mặc dù mới thành lập và đi vào ổn định chưa lâu, còn gặp nhiều khó khăn, nhưng do có sự lãnh đạo, quản lý điều hành tốt của Hội đồng quản trị, ban giám đốc nên doanh thu tăng đáng kể. Vì vậy, đến nay công ty đã đứng vững và ngày càng phát triển trong thời đại công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Tuy doanh nghiệp mới được thành lập gặp rất nhiều khó khăn về vốn và thị trường nhưng với sự lãnh đạo sáng suốt, nắm bắt được thời cơ, do đó công ty đã nhanh chóng thích nghi với thị trường, áp dụng công nghệ vào kinh doanh. Trình độ quản lý ngày càng được nâng cao, được thể hiện qua một số chỉ tiêu về kết quả kinh doanh qua biểu sau :

Biểu 2.1 : Một số chỉ tiêu kinh doanh

Đơn vị tính : VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	So sánh	
				Chênh lệch	Tỷ lệ
1	Tổng tài sản có	8.449.694.977	11.399.504.152	2.949.809.175	34,9%
2	Tài sản có lưu động	1.131.627.829	1.976.249.990	844.622.161	74,64%
3	Tổng tài sản nợ	8.449.694.977	11.399.504.152	2.949.809.175	34,9%
4	Tài sản nợ lưu động	7.318.067.168	9.423.254.162	2.105.186.994	28,77%
5	Tổng doanh thu	5.220.137.474	9.977.382.158	4.757.244.684	52,53%
6	Lợi nhuận trước thuế	1.024.078.138	1.041.989.081	17.910.943	23,36%
7	Lợi nhuận sau thuế	768.058.604	781.491.811	8.221.699	28,58%

2.1.2. Cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh của công ty CP Thủy sản Đại Yên

2.1.2.1. Đặc điểm tổ chức

Là một đơn vị kinh doanh được thành lập theo Luật Doanh nghiệp, công ty cổ phần thủy sản Đại Yên có đầy đủ tư cách pháp nhân, thực hiện chế độ hạch toán toàn diện, nghiêm chỉnh chấp hành các chế độ chính sách của Nhà nước về cung ứng vật liệu xây dựng, làm đại lý cho các nhà phân phối lớn.

Trong giấy phép đăng ký kinh doanh, Công ty kinh doanh rất nhiều ngành nghề khác nhau cho nên tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty bị phân tán, không tập trung. Với đặc thù kinh doanh của mình Công ty buộc

phải chia thành nhiều bộ phận để thuận tiện trong việc bố trí công việc và điều hành, mỗi bộ phận và mỗi người trong doanh nghiệp có chức năng và nhiệm vụ riêng đảm bảo tính khoa học và hợp lý khoa học.

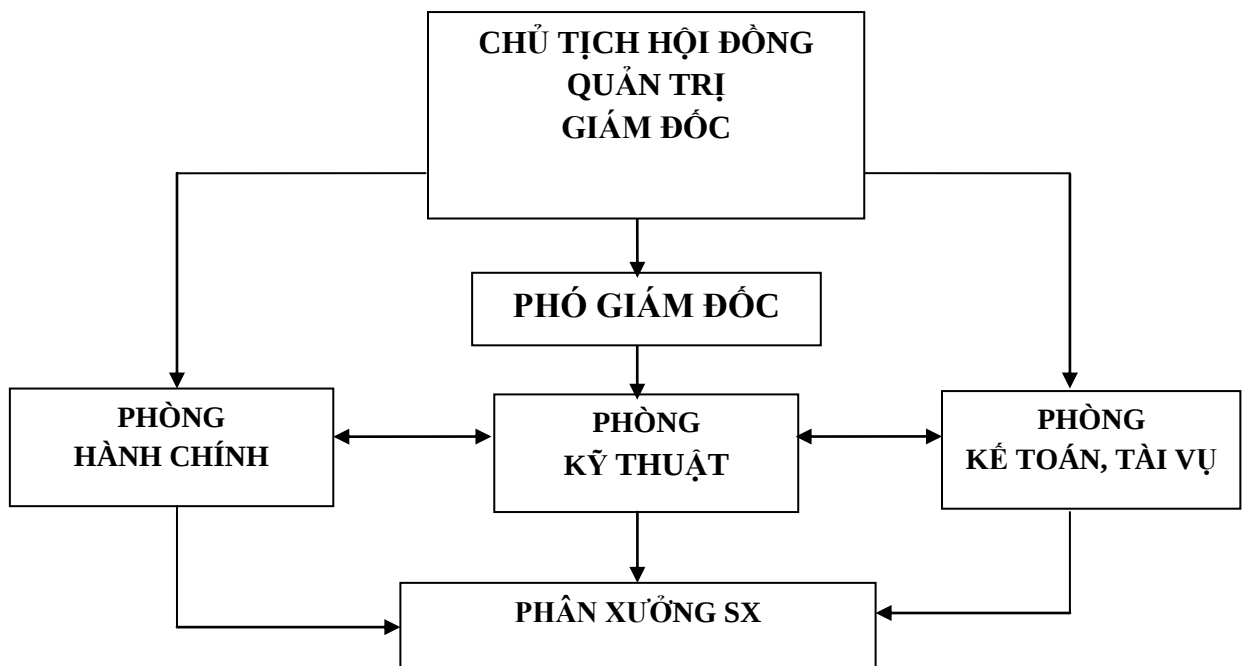
2.1.2.2. Các ngành nghề kinh doanh chính

- Chế biến nước mắm.
- Nuôi trồng thủy sản.
- Sản xuất kinh doanh bột cá.
- Chế biến thức ăn chăn nuôi.

2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty CP Thủy sản Đại Yên

2.1.3.1. Sơ đồ tổ chức quản lý:

Với đặc điểm kinh doanh của mình, công ty Cổ phần thủy sản Đại Yên được tổ chức dưới sự điều hành ban giám đốc doanh nghiệp, dưới ban giám đốc là các phòng: phòng hành chính, phòng kế toán- tài vụ, phòng kỹ thuật.



Sơ đồ 2.1: Bộ máy tổ chức quản lý

Ghi chú:

- ↔ Mối quan hệ chức năng.
- Mối quan hệ trực tuyến.

2.1.3.2. Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận, phòng ban

Doanh nghiệp muốn phát triển và tồn tại lớn mạnh ngoài vốn, chuyên môn của từng thành viên trong công ty phải có bộ máy quản lý tốt. Qua sơ đồ trên ta thấy bộ máy nhân sự của công ty được sắp xếp trên cơ sở gọn nhẹ, hiệu quả với các phòng ban được phân cách rõ ràng, phù hợp với công việc kinh doanh của công ty.

** Chủ tịch hội đồng quản trị - Giám đốc:*

Do hội đồng quản trị bầu ra có nhiệm vụ lập chương trình kế hoạch của Hội đồng quản trị. Chuẩn bị nội dung các tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ toạ cuộc họp của Hội đồng quản trị.

Tại công ty Cổ phần thủy sản Đại Yên, chủ tịch hội đồng quản trị cũng đồng thời là giám đốc công ty.

Giám đốc là người điều hành hoạt động sản xuất hàng ngày của Công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Giám đốc có quyền quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty, tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.

** Phó giám đốc:*

Giúp giám đốc theo dõi điều hành kinh doanh, xây dựng các chính sách, chiến lược kinh doanh.

** Phòng hành chính:*

- Tham mưu cho giám đốc về việc tổ chức nhân sự, điều chuyển, tiếp nhận hoặc thôi việc của cán bộ công nhân viên, thực hiện các chế độ chính sách do nhà nước quy định cho người lao động, đảm bảo các điều kiện làm việc cho văn phòng công ty.

- Tổng hợp, đánh giá nguồn nhân lực hiện có, trên cơ sở đó xây dựng mục tiêu và phát triển nguồn nhân lực của công ty trong tương lai.

- Xây dựng được bảng mô tả công việc, hướng dẫn công việc và hệ thống tiêu chuẩn đánh giá kết quả công việc, thành tích năng lực của nhân viên.

- Giải quyết chính sách đối với người lao động (ốm đau, thai sản,...) theo luật pháp hiện hành và theo quy định của công ty.

*** Phòng kỹ thuật:**

Phụ trách kỹ thuật về sửa chữa các thiết bị máy móc trong doanh nghiệp và quy trình sản xuất...

*** Phòng kế toán, tài vụ:**

Đứng đầu phòng kế toán tài vụ là kế toán trưởng chịu trách nhiệm kiểm soát từng thành viên trong phòng và chịu trách nhiệm trước lãnh đạo cấp trên về những báo cáo công việc thực hiện của phòng.

- Tổ chức quản lý về mặt giá trị của toàn bộ tài sản, theo dõi phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh về vật tư, tiền vốn...của công ty.

- Lập kế hoạch thu chi ngân quỹ tài chính, phân tích tài chính, cung cấp thông tin số liệu giúp lãnh đạo công ty điều hành hoạt động kinh doanh.

- Hạch toán phản ánh kết quả kinh doanh, lập kế hoạch tài chính, cuối kỳ tiến hành lập báo cáo quyết toán.

- Thanh toán lương cho cán bộ công nhân viên, giao dịch thu chi với khách hàng.

2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại công ty CP Thủy sản Đại Yên

2.1.4.1. Chức năng, nhiệm vụ của bộ máy kế toán:

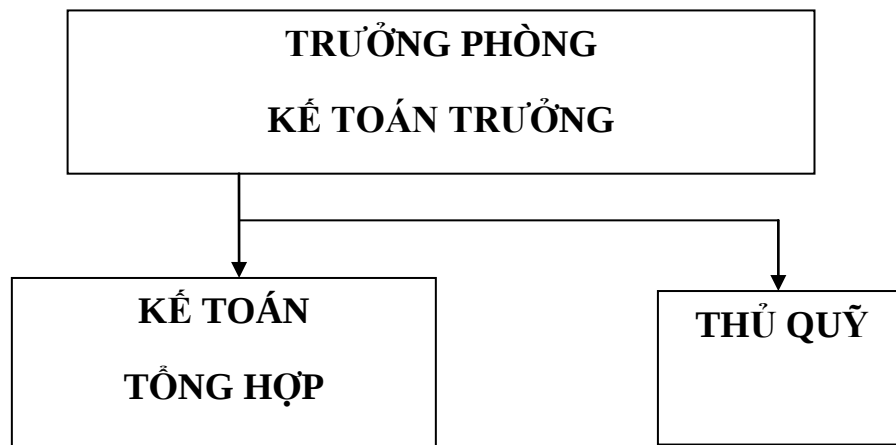
Bộ máy kế toán của một doanh nghiệp là tập hợp những người làm kế toán tại doanh nghiệp cùng với các phương tiện trang thiết bị dùng để ghi chép, tính toán, xử lý toàn bộ thông tin liên quan đến công tác kế toán tại doanh nghiệp từ khâu thu nhận, kiểm tra, xử lý đến khâu tổng hợp, cung cấp những thông tin kinh tế về các hoạt động của đơn vị. Vấn đề nhân sự để thực hiện kế toán có ý nghĩa quan trọng hàng đầu trong tổ chức kế toán của doanh nghiệp. Tổ chức nhân sự thế nào để từng người phát huy được cao nhất sở trường của mình, đồng thời tác động tích cực đến những bộ phận hoặc người khác có liên quan là mục tiêu của tổ chức bộ máy kế toán.

Với chức năng quản lý hoạt động, bộ phận kế toán luôn bám sát quá trình kinh doanh tiêu thụ, đảm bảo cho cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ,

chính xác phục vụ tốt cho công tác quản lý và chỉ đạo kinh doanh có hiệu quả.

2.1.4.2. Đặc điểm bộ máy kế toán của công ty thủy sản Đại Yên

Công ty Cổ phần thủy sản Đại Yên là một chủ thể hạch toán độc lập, được tổ chức hạch toán theo đúng quy định của Nhà nước. Công ty tổ chức công tác kế toán theo mô hình tập trung, là công ty không có xí nghiệp, chi nhánh trực thuộc. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được phản ánh ghi chép lưu trữ chứng từ, sổ sách kế toán và hệ thống báo cáo đều được thực hiện tại phòng kế toán tài chính của công ty.



Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán

Ghi chú: —————> Mọi quan hệ trực tuyến.

2.1.4.3. Chức năng của từng bộ phận trong bộ máy kế toán:

- Kế toán trưởng:

Là người được bổ nhiệm theo quyết định của Giám Đốc Doanh nghiệp, với chức năng là kiểm soát tình hình hoạt động tài chính của Doanh nghiệp, là người tổ chức và điều hành toàn bộ công tác kế toán, tài chính trong Doanh nghiệp, cập nhật và thống kê các thông tin kinh tế, các chế độ hạch toán kế toán để báo cáo kịp thời lên cấp trên.

- Phó phòng kiêm kế toán tổng hợp :

Ngoài công việc của người kế toán phó phòng kế toán còn phải giúp việc cho kế toán trưởng, thay mặt kế toán trưởng giải quyết các công việc khi kế toán trưởng đi vắng hoặc kế toán trưởng phân công.

Tổ chức và theo dõi trực tiếp TSCĐ, TGNH, các khoản phải thanh toán

với người mua, phải thu khách hàng, theo dõi việc thanh toán các khoản chi phí và các khoản nộp ngân sách theo đúng chế độ kế toán được nhà nước ban hành, sau đó làm quyết toán chuyển cho kế toán trưởng và lập báo cáo. Theo dõi tình hình tăng giảm nhân sự trong công ty, hàng tháng giải quyết thanh toán tiền lương và các chế độ cho cán bộ nhân viên trong toàn chi nhánh thực hiện việc thu nộp BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN cho người lao động theo chế độ kế toán chung.

- Thủ quỹ :

Trực tiếp thu - chi tiền mặt , tiếp nhận chứng từ ngân hàng, theo dõi số dư tài khoản tại các ngân hàng. Cuối tháng báo cáo số tiền và lập bảng kê chi tiết từng loại cho Ban giám đốc, phòng kế toán biết.

2.1.4.4. Chế độ kế toán áp dụng tại doanh nghiệp

Công ty Cổ phần thủy sản Đại Yên sử dụng hệ thống chứng từ kế toán của nhà nước ban hành và tuân thủ về biểu mẫu, nội dung cũng như phương pháp lập.

Niên độ kế toán trùng với năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 đến 31/12.

- Đơn vị tiền tệ được sử dụng là Đồng Việt Nam.

- Doanh nghiệp hạch toán thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

- Nguyên tắc và phương pháp quy đổi ngoại tệ theo tỷ giá của ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

- Nguyên tắc đánh giá TSCĐ: Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính) : TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của bộ trưởng bộ Tài chính.

- Nguyên tắc tính giá hàng tồn kho: hàng tồn kho được tính trên cơ sở

giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp FIFO (nhập trước xuất trước)

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : theo phương pháp kê khai thường xuyên

- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định

+ Nguyên tắc ghi nhận: Giá gốc

+ Phương pháp khấu hao TSCĐ: khấu hao đường thẳng.

2.1.4.5. Tổ chức hệ thống sổ kế toán

Hiện nay phương thức ghi sổ kế toán của doanh nghiệp được thực hiện hoàn toàn bằng tay. Với đặc trưng kinh doanh của mình, doanh nghiệp áp dụng hình thức ghi sổ là Nhật ký chung.

Hệ thống sổ kế toán mà công ty sử dụng gồm:

+ Sổ nhật ký chung

+ Sổ chi tiết các tài khoản

+ Sổ tổng hợp các tài khoản

+ Sổ cái

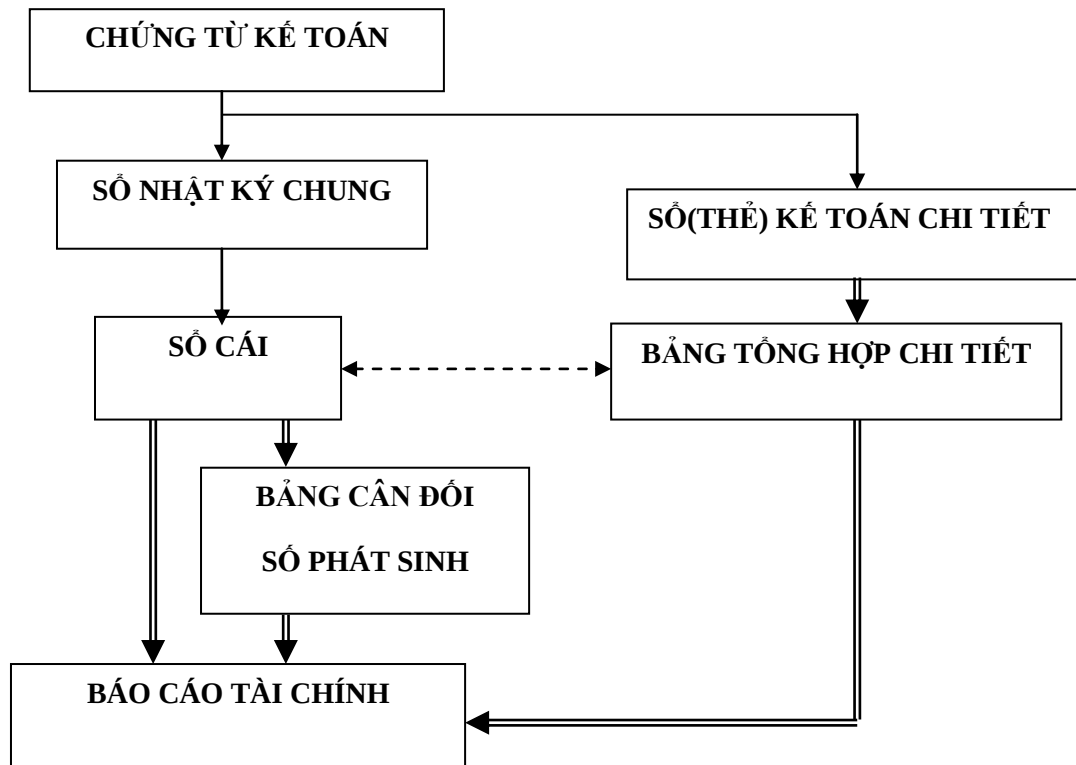
+ Bảng phân bổ

Trình tự kế toán ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung :

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra ghi vào sổ nhật ký chung, sổ thẻ kế toán chi tiết. Từ sổ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái có liên quan.

Cuối kỳ, từ sổ cái liên quan kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh, đồng thời cũng từ các sổ chi tiết kế toán lập Bảng tổng hợp chi tiết để cuối cùng dùng để lập Báo cáo tài chính.

Trình tự ghi sổ kế toán của công ty thủy sản Đại Yên được thể hiện như sau :



Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán

Chi chú:

- ←-----→ Quan hệ đối chiếu
====> Ghi cuối kỳ
————> Ghi hàng ngày

2.1.4.6. Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán

Định kỳ kế toán tổng hợp các số liệu để lập các báo cáo kế toán đúng thời hạn và theo đúng mẫu biểu hiện hành. Hệ thống báo cáo tài chính của công ty gồm:

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính
- Ngoài ra, kế toán còn lập thêm nhiều các báo cáo khác như: Bảng cân đối số phát sinh, báo cáo thuế....

2.2 Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP thủy sản Đại Yên

2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng tại công ty CP thủy sản Đại Yên

2.2.1.1 Đặc điểm sản phẩm, hàng hóa

Do nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty chủ yếu là sản xuất nước Mắm để phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu nên hiện nay sản phẩm chủ yếu của công ty là các loại nước Mắm như :

- Nước mắm đặc biệt: hay còn gọi là mắm nhĩ vì được kéo chảy nhỏ giọt đến thật nhỏ, có màu cánh gián, có mùi thơm nồng, vị ngọt đậm mùi. Thường dùng làm nước chấm, gia vị tẩm ướp...

- Nước mắm thượng hạng : hay còn gọi là nước mắm cốt, có màu vàng trong đến cánh gián, có vị ngọt dịu đậm. Dùng làm nước chấm, gia vị tẩm ướp...

- Nước mắm hạng 1 : thường dùng làm gia vị

Sự đa dạng và phong phú của các loại sản phẩm đã tạo điều kiện tốt cho khâu tiêu thụ, đáp ứng nhu cầu của khách hàng, tuy nhiên đây cũng là một đặc điểm gây phức tạp khó khăn trong công tác quản lý sản phẩm cũng như hạch toán chi tiết.

Với phương châm sản xuất sản phẩm bán ra luôn giữ vững uy tín với khách hàng. Công ty tìm cách đẩy mạnh khối lượng hàng tiêu thụ, thu hồi vốn nhanh để quá trình sản xuất diễn ra liên tục và có hiệu quả. Do vậy công ty phải quản lý sản phẩm cả về số lượng, chất lượng và giá thành, giá bán.

2.2.1.2 Các phương thức bán hàng tại công ty CP thủy sản Đại Yên

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường cạnh tranh khốc liệt , hiện nay công ty Cổ phần thủy sản Đại Yên vẫn có một chỗ đứng vững chắc. Điều đó trước hết là nhờ chất lượng sản phẩm đảm bảo, ngoài ra còn có sự đóng góp không nhỏ của việc tổ chức tốt công tác tiêu thụ của công ty. Hiện nay trong các mặt hàng mà công ty sản xuất, các loại nước mắm sản phẩm được đánh giá cao trên thị trường. Mặt hàng này cũng chịu sự cạnh tranh khốc liệt của sản phẩm cùng loại. Trong tình hình đó, để đẩy mạnh công tác tiêu thụ, tạo điều kiện

thúc đẩy sản xuất và tăng nhanh tốc độ chu chuyển vốn thì bên cạnh đó các hoạt động xúc tiến ,quảng cáo, công ty còn áp dụng những phương thức bán hàng rất linh hoạt và hiệu quả cụ thể bao gồm các phương thức sau:

- Phương thức tiêu thụ trực tiếp: là phương thức giao hàng cho người mua trực tiếp tại kho(hay trực tiếp tại phân xưởng không qua kho) của doanh nghiệp. Số hàng khi bàn giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ và người bán mất quyền sở hữu về số hàng này. Người mua hàng thanh toán hay chấp nhận thanh toán số hàng mà người bán đã giao.

-Phương thức bán hàng trả chậm: Theo phương thức này, công ty cho khách hàng thanh toán chậm trong thời gian nhất định. Cụ thể khi lấy hàng chuyển sau mới trả tiền chuyển trước và chuyển cuối cùng trong năm phải thanh toán trước ngày 28/2 của năm có thể chấp thì lượng hàng lấy phải nhỏ hơn mức thể chấp.

Phương thức bán hàng trả chậm này thường được công ty ký hợp đồng với điều kiện là có đơn xin làm đại lý, có giấy đăng ký kinh doanh có quyết định thành lập doanh nghiệp với đầy đủ chữ ký của cơ quan cấp trên.

Ngoài ra công ty còn ký hợp đồng với các doanh nghiệp tư nhân với điều kiện công ty phải có tín chấp hoặc thế chấp bằng tiền mặt(không nhận thế chấp bằng TSCĐ). Khách hàng của công ty chia làm hai loại: khách hàng chính là khách hàng có những ký kết hợp đồng với công ty còn lại khách hàng lẻ. Khách hàng chính khi mua hàng được hưởng tỷ lệ chiết khấu lũy kế tính theo giá trị hoá đơn ghi trên hoá đơn bán hàng. Khi mua hàng nếu sản phẩm hỏng mới hoặc kém chất lượng mà do lỗi của công ty thì khách hàng sẽ đổi sản phẩm mới hoặc trả lại hàng cho công ty và công ty sẽ chịu tiền vận chuyển hàng về.

2.2.1.3 Kế toán doanh thu bán hàng

Chứng từ sử dụng

Các chứng từ được sử dụng để ghi nhận tại công ty:

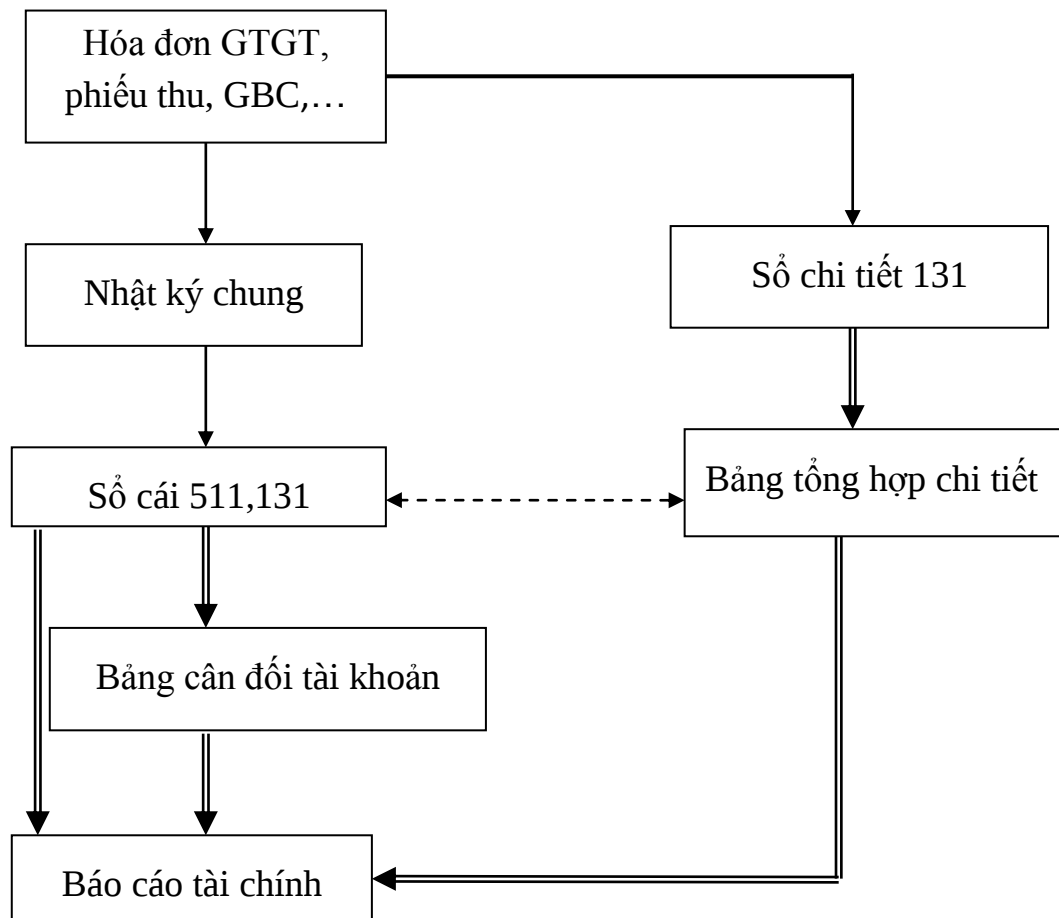
- Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01GTKT3/001)
- Phiếu thu (Mẫu số 01-TT)

- Phiếu xuất kho (Mẫu số 02 –VT)
- Chứng từ giao dịch của ngân hàng
- Các chứng từ khác liên quan.

Tài khoản sử dụng

- * TK511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.
- * Và các tài khoản liên quan

Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 2.4: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng

Ghi chú:

- ==> Ghi cuối kỳ
- => Ghi hàng ngày

Ví dụ minh họa:

Ví dụ 2.1: Ngày 08/12/12, bán Mắm Ngự các loại cho Công ty TNHH 1TV Hân Ngọc Phát. Tổng giá bán chưa thuế là 13.910.000đ. Khách hàng đã thanh toán số tiền trên bằng tiền mặt.

▲ Căn cứ vào Hoá Đơn GTGT0001028(Biểu 2.1) ngày 08/12/12 và các chứng từ khác liên quan, kế toán định khoản:

Nợ TK 111: 15.301.000

Có TK 511:13.910.000

Có TK 3331: 1.391.000

Từ nghiệp vụ trên, kế toán tiến hành vào Sổ nhật ký chung(Biểu 2.3) đồng thời ghi sổ chi tiết TK 131(Biểu 2.5) sau đó từ Nhật ký chung vào Sổ cái TK 511(Biểu 2.4), TK 111, TK 333. Thủ quỹ căn cứ vào phiếu thu vào Sổ quỹ tiền mặt.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

HOÁ ĐƠN GTGT

Liên 3 (Nội bộ)

Ngày 08 tháng 12 năm 2012

Mẫu số: 01GTKT3/001

Ký hiệu: AA/12P

Số: **0001028**

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY C.P THỦY SẢN ĐẠI YÊN															
Mã số thuế: 5700100961															
Địa chỉ: Yên Cư – Đại Yên – Hạ Long - Quảng Ninh															
Điện thoại: 0333.857054															
Số tài khoản: 801 220 100 1189 Ngân hàng: Nông nghiệp và phát triển nông thôn															
Họ tên người mua hàng: Công ty TNHH 1TV Hân Ngọc Phát															
Tên đơn vị:															
Địa chỉ: Phố Đông Tiến - Thị trấn Tiên Yên - Tỉnh Quảng Ninh															
Số tài khoản: Ngân hàng:															
Hình thức thanh toán: Tiền mặt Mã số thuế:															
<table><tr><td>5</td><td>7</td><td>0</td><td>1</td><td>4</td><td>6</td><td>7</td><td>4</td><td>5</td><td>8</td></tr></table>						5	7	0	1	4	6	7	4	5	8
5	7	0	1	4	6	7	4	5	8						
TT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền										
1	2	3	4	5	6=4x5										
1	Mắm Ngự ĐB	Chai	170	50.500	8.585.000										
2	Mắm Ngự (loại 1)	Chai	150	35.500	5.325.000										
Cộng tiền hàng:13.910.000															
Thuế suất GTGT:10% Tiền thuế GTGT:1.391.000															
Tổng cộng tiền thanh toán:15.301.000															
Số tiền viết bằng chữ: Mười năm triệu ba trăm linh một nghìn đồng chẵn./															

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký ghi rõ họ tên)

Biểu 2.1: Hoá đơn GTGT0001028

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

C.TY CP THỦY SẢN ĐẠI YÊN

Mẫu số 01 - TT

Yên Cư – Đại Yên – Hạ Long - Quảng Ninh

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 08 tháng 12 năm 2012

Số: 15/12

Nợ: TK111: 15.301.000

Có: TK511: 13.910.000

Có: TK3331: 1.391.000

Họ và tên người nộp tiền: Trần Văn Thuật

Địa chỉ: **Công ty TNHH 1TV Hàn Ngọc Phát**

Lý do nộp: Thanh toán tiền mua Mắm các loại

Số tiền: **15.301.000**(viết bằng chữ): **Mười năm triệu ba trăm linh một nghìn đồng chẵn./**

Kèm theo: 01 chứng từ gốc: Hoá đơn GTGT0001028

Ngày 08 tháng 12 năm 2012

Giám đốc	Kế toán	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, đóng dấu)	trưởng	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
	(Ký, họ tên)			

Đã nhận đủ số tiền(viết bằng chữ): **Mười năm triệu ba trăm linh một nghìn đồng chẵn./**

+ Tỷ giá ngoại tệ(vàng, bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

Biểu 2.2: Phiếu thu số 15/12

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

C.TY CP THỦY SẢN ĐẠI YÊN
Yên Cư- Hạ Long - Quảng Ninh

Mẫu số S03a - DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		`Diễn giải	Số hiệu TKĐ U	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
08/12	PT15/12	08/12	Bán Mắm cho công ty Hân Ngọc Phát thu bằng tiền mặt	111 511	13.910.000	13.910.000
			Thuế GTGT đầu ra	111 3331	1.391.000	1.391.000
08/12	PX10/12	08/12	Trị giá vốn	632 155	8.974.080	8.974.080
11/12	HĐ0001031	11/12	Bán Mắm Loại 1 cho công ty Hải Vân	131 511	12.578.300	12.578.300
			Thuế GTGT đầu ra	131 3331	1.257.830	1.257.830
11/12	PX13/12	11/12	Giá vốn Mắm Loại 1	632 155	8.977.500	8.977.500
...	...	...	...	...	...	...
			Cộng phát sinh năm		101.598.475.486	101.598.475.486

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.3: Trích Sổ nhật ký chung tháng 12 năm 2012

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

C.TY CP THỦY SẢN ĐẠI YÊN

Yên Cư – Đại Yên- Hạ Long -
Quảng Ninh

Mẫu số S03b - DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Năm 2012

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong			
...	...	...	...	...		...
08/12	PT15/12	08/12	Bán Mắm cho công ty Hân Ngọc Phát thu bằng tiền mặt	111		13.910.000
09/12	PT17/12	09/12	Bán lẻ thu bằng tiền mặt	111		370.000
...	...	...	...	...		...
11/12	HĐ0001031	11/12	Bán Mắm loại 1 cho công ty Hải Vân	131		12.578.300
...	...	...	...	...		...
31/12	PKT22	31/12	Kết chuyển doanh thu thuần	911	9.977.382.158	
			Cộng phát sinh		9.977.382.158	9.977.382.158
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 2.4: Trích sổ cái tài khoản 511

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty CP thủy sản Đại Yên

Nội dung giá vốn hàng bán tại công ty

Xác định giá vốn là việc vô cùng quan trọng đối với kế toán bởi một khi xác định đúng giá vốn hàng bán công ty mới xác định được chính xác kết quả kinh doanh do vậy mà công ty CP thủy sản Đại Yên với đặc thù là doanh nghiệp sản xuất do vậy công ty áp dụng phương pháp tính trị giá vốn được tính theo phương pháp Nhập trước - Xuất trước.

Chứng từ sử dụng

Hoá đơn GTGT

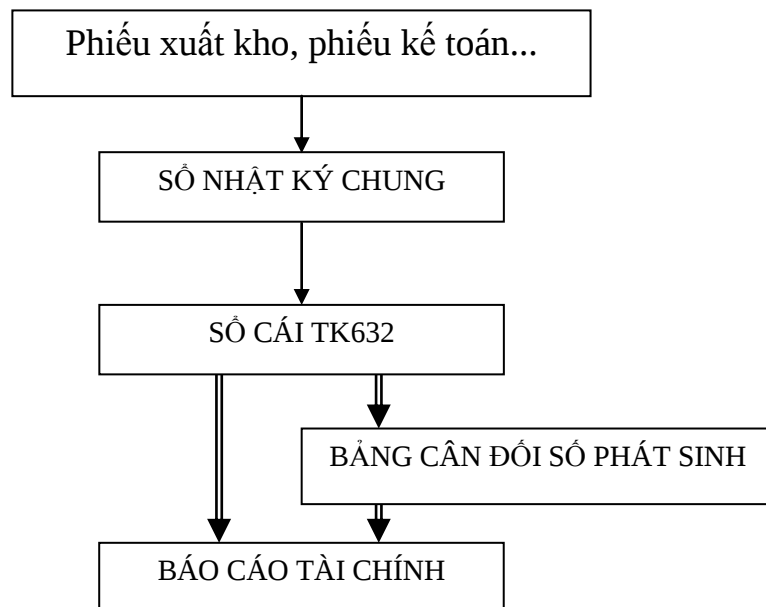
Phiếu xuất kho

Phiếu kế toán

Tài khoản sử dụng

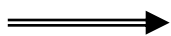
Để hạch toán giá vốn hàng bán, kế toán sử dụng tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán.

Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán tại công ty

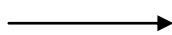


Sơ đồ 2.6: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán

Ghi chú:



Ghi cuối kỳ



Ghi hàng ngày

Ví dụ minh họa

Ví dụ 2.2 (Minh họa tiếp nghiệp vụ giá vốn của ví dụ 2.1)

Ngày 08/12/12, bán Mắm các loại cho Công ty TNHH 1TV Hân Ngọc Phát. Tổng giá bán chưa thuế là 13.910.000đ. (Khách hàng đã thanh toán số tiền trên bằng tiền mặt. Trị giá vốn là 8.974.080đ).

(+ Trị giá tồn đầu tháng 12 của Mắm các loại là 25.544.020đ)

Trong đó:

Mắm Ngự ĐB: $500 \times 30.507 = 15.253.500đ$

Mắm Ngự loại 1: $300 \times 25.252,6 = 7.575.780đ$

Mắm Vạn Nguyên: $100 \times 27.147,4 = 2.714.740đ$

 Áp dụng phương pháp Nhập Trước – Xuất Trước doanh nghiệp xuất:

Mắm Ngự ĐB: $170 \times 30.507 = 5.186.190đ$

Mắm Ngự loại 1: $150 \times 25.252,6 = 3.787.890đ$

▲ Kế toán định khoản:

+ Nợ TK632: 8.974.080

Có TK155: 8.974.080

▲ Căn cứ vào Phiếu xuất kho (Biểu 2.6), kế toán vào Sổ nhật ký chung(Biểu 2.3), từ sổ Nhật ký chung vào Sổ cái TK632(Biểu 2.7), TK 155. Kế toán hàng tồn kho căn cứ vào PX kho vào sổ chi tiết TK 155.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY CP THỦY SẢN ĐẠI YÊN

Mẫu số 02 – VT

Yên Cư - Đại Yên- Hạ Long- Quảng Ninh

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày

14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 08 tháng 12 năm 2012

Số: 10/12

Nợ: TK632: 8.974.080

Có: TK155: 8.974.080

- Họ và tên người nhận hàng: Phạm Mạnh Hùng Địa chỉ (bộ phận): bán hàng

- Lý do xuất kho: Xuất bán Mắm các loại

- Xuất tại kho (ngăn lô): Thành Phẩm

Địa điểm:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Mắm Ngự ĐB	M01	Chai	170	170	30.507	5.186.190
2	Mắm Ngự loại 1	M02	Chai	150	150	25.252,6	3.787.890
	Cộng			320	320		8.974.080

- Tổng số tiền(viết bằng chữ): **Tám triệu chín trăm bảy mươi tư nghìn**

không trăm tám mươi đồng.

- Số chứng từ gốc kèm theo: 01 Hoá đơn GTGT0001028.

Ngày 08 tháng 12 năm 2012

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Người nhận

hàng

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(hoặc bộ phận có
nhu cầu nhập)

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Biểu 2.6: Phiếu xuất kho số 10

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

C.TY CP THỦY SẢN ĐẠI YÊN

Mẫu số S03b - DNN

Yên Cư- Đại Yên- Hạ Long- Quảng Ninh

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006

của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng g ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
...	...	...	...	...	...	
08/12	PX10/12	08/12	Xuất kho bán Mắm các loại	155	8.974.080	
...	...	...	...	...	...	
11/12	PX13/12	11/12	Xuất kho bán Mắm loại 1 cho Hải Vân	155	8.977.500	
...	...	...	...	...	...	
31/12	PKT23/12	31/12	Kết chuyển giá vốn	911		7.698.395.632
			Cộng phát sinh		7.698.395.632	7.698.395.632
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.7: Trích sổ cái tài khoản 632

2.2.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty C.P thủy sản Đại Yên

Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu chi, giấy báo Nợ
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ
- Và các chứng từ khác có liên quan...

Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng tài khoản 642.

Tài khoản này có 2 tài khoản cấp 2:

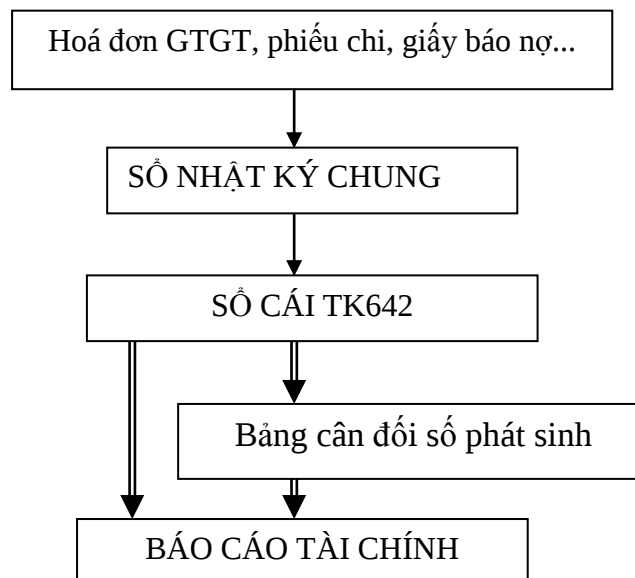
Tài khoản 6421 – Chi phí bán hàng.

Tài khoản 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

Hàng ngày, căn cứ vào Hoá đơn GTGT, phiếu chi, giấy báo nợ, Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội... kế toán ghi chép các nghiệp vụ liên quan đến chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp vào Sổ nhật ký chung. Sau đó tiến hành vào Sổ cái TK642

Cuối tháng, số liệu trên Sổ cái được dùng để lập Bảng cân đối số phát sinh.

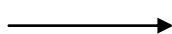


Sơ đồ 2.7: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

Ghi chú:



Ghi cuối kỳ



Ghi hàng ngày

Ví dụ minh họa:

Ví dụ 2.3:

Ngày 15/12/2012, công ty đã chi tiền mặt thanh toán tiền điện thoại tháng 11 của cửa hàng.

▲ Kế toán định khoản:

Nợ TK642: 344.090

Nợ TK133: 34.409

Có TK111: 378.499

▲ Căn cứ vào Hoá đơn dịch vụ viễn thông(*Biểu 2.9*), kế toán lập phiếu chi số 12/12(*Biểu 2.10*) thanh toán tiền điện thoại.

Từ bút toán trên, kế toán vào Sổ nhật ký chung(*Biểu 2.11*) từ NKC vào Sổ cái TK642(*Biểu 2.12*), TK 133, TK 111. Thủ quỹ căn cứ vào Phiếu chi vào sổ quỹ tiền mặt.

Ví dụ 2.4:

Ngày 25/12/2012, thanh toán tiền tiếp khách cho ông Lê Trung Trữ – Trưởng phòng hành chính, Số tiền 2.255.000đ.

▲ Kế toán định khoản:

Nợ TK642: 2.050.000

Nợ TK133: 205.000

Có TK111: 2.255.000

▲ Căn cứ vào Giấy đề nghị thanh toán ngày 25/12 của Ông Lê Trung Trữ(*Biểu 2.13*), Hoá đơn GTGT0002103(*Biểu 2.14*) . Kế toán viết Phiếu chi số 20/12(*Biểu 2.15*) chi thanh toán tiền tiếp khách cho ông Trữ. Kế toán căn cứ vào các chứng từ trên vào sổ Nhật Ký Chung, từ sổ Nhật Ký Chung vào sổ cái TK 642, TK 111. Thủ quỹ căn cứ vào Phiếu chi vào Sổ quỹ tiền mặt.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



HOÁ ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG(GTGT)
TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE(VAT)
Liên 2: Giao khách hàng(Customer)

Mẫu số: 01GTTK2/001
Ký hiệu(Serial No):AD/12T
Số(No): **0117934**

Mã số thuế

5	7	0	0	1	0	1	4	3	6
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

Viễn thông(Telecommunication): Quảng Ninh

Địa chỉ:.....

Tên khách hàng(Customer's name): Công ty CP thủy sản Đại Yên

Địa chỉ(Address): Yên Cư – Đại Yên – Hạ Long - Quảng Ninh

Số điện thoại(Tel): 0333.587004(1máy) Mã số(code): 0804458000 – (81000019)

Hình thức thanh toán (Kind of Payment).....

5	7	0	0	1	0	0	9	6	1
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

 MST:

STT (NO)	DỊCH VỤ SỬ DỤNG (KIND OF SERVICE)	ĐVT (UNIT)	SỐ LƯỢNG (QUANTITY)	ĐƠN GIÁ (PRICE)	THÀNH TIỀN (AMOUNT)VND
1	2	3	4	5	6=4x5
	A. Cước các DV di động phát sinh 11/2012 B. Cước chuyển vùng không chịu thuế 11/2012				344.090
Cộng tiền dịch vụ (Total) (1):					344.090
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%x(1)= Tiền thuế GTGT(VAT amount)(2):					34.409
Tổng cộng tiền thanh toán(Grand total) (1+2):					378.499

Số tiền viết bằng chữ (In words): **Ba trăm bảy mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi chín đồng.**

Ngày 15 tháng 12 năm 2012

Người nộp tiền ký
(Signature of paper)

Nhân viên giao dịch ký
(Signature of dealing staff)

Biểu 2.9: Hoá đơn dịch vụ viễn thông

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

C.TY CP THỦY SẢN ĐẠI YÊN

Mẫu số 02 -TT

Yên Cư- Đại Yên- Hạ Long - Quảng Ninh

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 15 tháng 12 năm 2012

Số: 12/12

Nợ: TK642: 344.090

Nợ: TK133: 34.409

Có: TK111: 378.499

Người nhận tiền: Nguyễn Thị Huyền

Địa chỉ: Phòng Kế toán

Lý do chi: Thanh toán tiền điện thoại tháng 11/2012

Số tiền: **378.499** (Viết bằng chữ): **Ba trăm bảy mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi chín đồng.**

Kèm theo: 01 chứng từ gốc: Hoá đơn 0117934

Ngày 15 tháng 12 năm 2012

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	tiền (Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền(viết bằng chữ):**Ba trăm bảy mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi chín đồng.**

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu).

Biểu 2.10: Phiếu chi số 12/12

C.TY CP THỦY SẢN ĐẠI YÊN

Yên Cư - Đại Yên - Quảng Ninh

Mẫu số 05 -TT

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Ngày 25 tháng 12 năm 2012

Kính gửi: Công ty CP thủy sản Đại yên

Họ và tên người đề nghị thanh toán: Lê Trung Trữ

Bộ phận(Hoặc địa chỉ): Phòng hành chính

Nội dung thanh toán: Chi tiền tiếp khách ngày 23 tháng 12 năm 2012

Số tiền: **2.255.000** (Viết bằng chữ): **Hai triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng.**

(Kèm theo 01 chứng từ gốc: Hoá đơn GTGT 0001103)

**Người đề nghị thanh
toán**

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người duyệt

(Ký, họ tên)

Biểu 2.13: Giấy đề nghị thanh toán

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01GTKT3/001

Ký hiệu: AA/12P

Số: **0001103**

Liên 2: Giao khách hàng

Ngày 23 tháng 12 năm 2012

Đơn vị bán hàng: Nhà hàng KORUNA Phương Nam															
Mã số thuế: 5701224566															
Địa chỉ: Yên Thanh – Uông Bí - Quảng Ninh															
Điện thoại:			Fax:												
Số tài khoản:..... Ngân hàng:.....															
Họ tên người mua hàng: Lê Trung Trữ															
Tên đơn vị: Công ty C.P thủy sản Đại Yên															
Địa chỉ: Yên Cư – Đại Yên - Quảng Ninh															
Số tài khoản:..... Ngân hàng:.....															
Hình thức thanh toán: Tiền mặt Mã số thuế:															
<table border="1"><tr><td>5</td><td>7</td><td>0</td><td>0</td><td>1</td><td>0</td><td>0</td><td>9</td><td>6</td><td>1</td></tr></table>						5	7	0	0	1	0	0	9	6	1
5	7	0	0	1	0	0	9	6	1						
TT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền										
1	2	3	4	5	6=4x5										
01	Tiếp khách				2.050.000										
Cộng tiền hàng:.....2.050.000															
Thuế suất GTGT:10% Tiền thuế GTGT:.....205.000															
Tổng cộng tiền thanh toán:.....2.255.000															
Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng./.															

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký ghi rõ họ tên)

Biểu 2.14: Hoá đơn GTGT0001103

C.TY CP THỦY SẢN ĐẠI YÊN

Yên Cư – Đại Yên - Quảng Ninh

Mẫu số 02 -TT

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 25 tháng 12 năm 2012

Số: 20/12

Nợ: TK642: 2.050.000

Nợ: TK133: 205.000

Có: TK111: 2.255.000

Người nhận tiền: Lê Trung Trữ

Địa chỉ: Phòng hành chính

Lý do chi: Chi tiền tiếp khách ngày 23/12/2012

Số tiền: **2.255.000** (Viết bằng chữ): **Hai triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng./**

Kèm theo: 01 chứng từ gốc: Hoá đơn 0002103

Ngày 25 tháng 12 năm 2012

Giám đốc	Kế toán	Thủ quỹ	Người lập	Người nhận
(Ký, họ tên,	trưởng	(Ký, họ tên)	phiếu	tiền
đóng dấu)	(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền(viết bằng chữ):Hai triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng./.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu).

Biểu 2.15: Phiếu chi số 20/12

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

C.TY CP THỦY SẢN ĐẠI YÊN

Mẫu số S03a - DNN

Yên Cư – Đại Yên - Quảng Ninh

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày

14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
07/12	PC06/12	07/12	Chi tiền mua văn phòng phẩm phục vụ quản lý	642 111	230.000	230.000
			Thuế GTGT	133 111	23.000	23.000
15/12	PC12/12	15/12	Trả tiền điện tháng 11/2012	642 111	344.090	344.090
			Thuế GTGT	133 111	34.409	34.409
...	...	...	...	...	...	...
19/12	PC15/12	19/12	Mua bóng đèn dùng cho cửa hàng	642 111	560.000	560.000
			Thuế GTGT	133 111	56.000	56.000
...	...	...	...	...	...	...
25/12	PC20/12	25/12	Thanh toán tiền tiếp khách cho ông Trữu	642 111	2.050.000	2.050.000
			Thuế GTGT	133 111	205.000	205.000
...	...	...	...	...	...	...
			Cộng phát sinh		101.598.475.486	101.598.475.486

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.11: Trích Sổ nhật ký chung tháng 12 năm 2012

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

C.TY CP THỦY SẢN ĐẠI YÊN

Yên Cư – Đại Yên - Quảng Ninh

Mẫu số S03b - DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu: 642

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
...	...	...	...	...	...	
07/12	PC06/12	07/12	Chi tiền mua văn phòng phẩm phục vụ quản lý	111	230.000	
14/12	PC11/12	14/12	Chi tiền mua bình nước cho cửa hàng	111	150.000	
15/12	PC12/12	15/12	Trả tiền điện tháng 11/2012	111	344.090	
19/12	PC15/12	19/12	Mua bóng đèn dùng cho cửa hàng	111	560.000	
...	...	...	...	...	...	
25/12	PC20/12	25/12	Thanh toán tiền tiếp khách cho Ông Trữ	111	2.050.000	
31/12	PKT24	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	911		1.238.723.545
			Cộng số phát sinh		1.238.723.545	1.238.723.545
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu 2.12: Trích Sổ cái TK 642

2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính của công ty CP thủy sản Đại Yên

Nội dung kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp. Đối với Công ty CP thủy sản Đại Yên thì doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu là các khoản lãi tiền gửi ngân hàng.

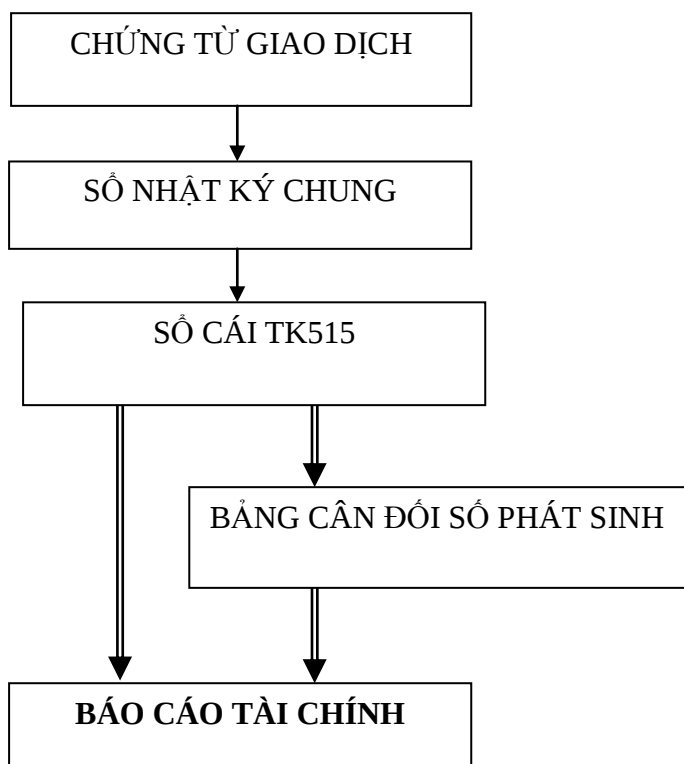
Chứng từ sử dụng

- Chứng từ giao dịch của ngân hàng.
- Và các chứng từ liên quan...

Tài khoản sử dụng

Để phản ánh Doanh thu hoạt động tài chính, kế toán sử dụng tài khoản 515 – “Doanh thu hoạt động tài chính”.

Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính



Sơ đồ 2.7: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

Ghi chú:

-  Ghi cuối kỳ
-  Ghi hàng ngày

Ví dụ minh họa:

Ví dụ 2.5:

Ngày 31 tháng 12 năm 2012, nhập lãi tiền gửi Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn số tiền 354.300VNĐ theo Chứng từ giao dịch.

▲ Kế toán định khoản:

Nợ TK112: 354.300

Có TK515: 354.300

▲ Căn cứ vào Chứng từ giao dịch (*Biểu 2.17*) , kế toán vào Sổ Nhật ký chung(*Biểu 2.18*) từ Nhật ký chung kế toán vào Sổ cái TK515(*Biểu 2.19*), TK 112. Kế toán tiền gửi ngân hàng căn cứ vào thông báo lãi tiền gửi vào sổ theo dõi Tiền gửi ngân hàng.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔNG VIỆT NAM

Chi nhánh Quảng Ninh

Mã số thuế của CN: 5700101235

CHỨNG TỪ GIAO DỊCH

Liên 2: Trả khách hàng

Số Seri: 801212A000000210

Tên khách hàng (Customer Name) CTY CP THỦY SẢN ĐẠI YÊN Yên Cư – Đại Yên – Hạ Long -Quảng Ninh Mã số thuế của KH	Ngày giao dịch (Date) 31/12/2012
--	---

Thông báo với quý khách hàng (This is to certify that)

- ☐ **Chúng tôi đã ghi nợ vào TK của quý khách hoặc nhận bằng tiền mặt số tiền sau.**
(We have debited the following amount from your account/or received by cash.)
- ☒ **Chúng tôi đã ghi có vào TK của quý khách hoặc đã trả bằng tiền mặt số tiền sau.**
(We have credited the following amount to your account/or paid by cash.)

Diễn giải (Description)	Thông báo lãi tiền gửi		
Số TK (A/C No.)	8012201001189	Số GD (Ref)	

Chi tiết (Item)	Số tiền (Amount)			Diễn giải (Remark)
Lãi nhập gốc	D	VND	354.300	31/12/2012
Tổng		VND	354.300	

First Interest Amount : 354.300

Term: 01/12/2012-31/12/2012

Base Rate: 2.4 + Interest Rate: 0 = 2.4%

Người in: Vũ Ngọc Ngà

Ngày in: 31/12/2012

Giờ in: 15:16:50

TEL:

FAX:

D: Nợ, C: Có Trang: 1/1

Khách hàng	Giao dịch viên	Kiểm soát	Giám đốc

Biểu số 2.17: Chứng từ giao dịch

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

C.TY CP THỦY SẢN ĐẠI YÊN

Mẫu số S03a - DNN

Yên Cư – Đại Yên - Quảng Ninh

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ U'	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
31/12	LAI12	31/12	Nhập lãi tiền gửi tháng 12	112	354.300	
				515		354.300
31/12	PKT22	31/12	Kết chuyển doanh thu thuần	511	9.977.382.158	
				911		9.977.382.158
31/12	PKT22	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	1.726.100	
				911		1.726.100
31/12	PKT23	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	1.238.723.545	
				642		1.238.723.545
31/12	PKT23	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	7.698.395.632	
				632		7.698.395.632
31/12	PKT23	31/12	Kết chuyển thuế TNDN hiện hành	911	260.497.270	
				821		260.497.270
31/12	PKT23	31/12	Kết chuyển lãi	911	781.491.811	
				421		781.491.811
31/12	PKT24	31/12	Xác định thuế TNDN	821	260.497.270	
				3334		260.497.270
			Cộng phát sinh		101.598.475.486	101.598.475.486

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

C.TY CP THỦY SẢN ĐẠI YÊN

Mẫu số S03b - DNN

Yên Cư – Đại Yên - Quảng Ninh

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày

14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
...	...	...	...	...		...
31/12	LAI10	31/10	Nhập lãi tiền gửi tháng 10	112		152.600
31/12	LAI11	30/11	Nhập lãi tiền gửi tháng 11	112		244.500
31/12	LAI12	31/12	Nhập lãi tiền gửi tháng 12	112		354.300
...	...	...	...	...		...
31/12	PKT25	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	1.726.100	
			Cộng phát sinh		1.726.100	1.726.100
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.19: Sổ cái tài khoản 515

2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP thủy sản Đại Yên

Nội dung kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty

Cuối kỳ, kế toán tiến hành kết chuyển Doanh thu thuần, Doanh thu hoạt động tài chính vào bên Nợ của TK911. Đồng thời kết chuyển Giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh vào bên Có của TK911.

+ Nếu tổng số phát sinh bên Nợ của TK911 lớn hơn tổng số phát sinh bên Có của TK911 thì kế toán kết chuyển phần chênh lệch sang bên Nợ TK421:

Nợ TK421

Có TK911

+ Nếu tổng số phát sinh bên Nợ của TK911 nhỏ hơn tổng số phát sinh bên Có của TK911 thì chứng tỏ doanh nghiệp kinh doanh có lãi. Kế toán tính thuế TNDN phải nộp nhà nước như sau:

Thu nhập chịu thuế = SPS bên Có TK911 – SPS bên Nợ TK911

Thuế TNDN = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất thuế TNDN(25%)

Khi xác định được số thuế thu nhập phải nộp, kế toán căn cứ vào số thuế thu nhập doanh nghiệp đã trích nộp đầu các quý để tính số thuế thu nhập còn phải nộp hay được ghi giảm.

Sau khi tính được số thuế thu nhập phải nộp, kế toán thực hiện kết chuyển chi phí thuế TNDN sang bên Nợ TK 911. Từ đó xác định số lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp để kết chuyển sang bên Có TK 421–Lợi nhuận sau thuế:

Nợ TK911

Có TK421

Chứng từ sử dụng

Phiếu kế toán

Tài khoản sử dụng

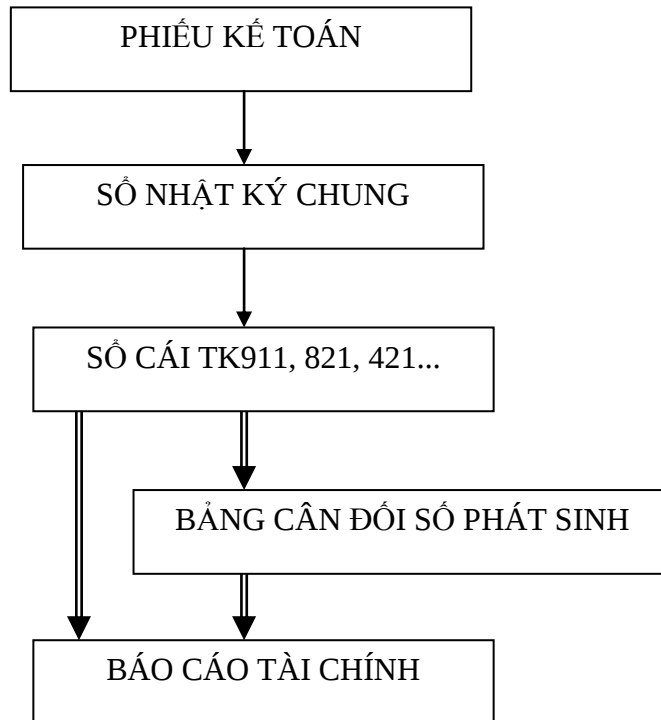
Tài khoản 911 – xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài khoản 421 - Lợi nhuận chưa phân phối

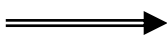
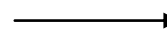
Và các tài khoản liên quan.

Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 2.9: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh

Ghi chú:

-  Ghi cuối kỳ
-  Ghi hàng ngày

Cuối kỳ, kế toán lập các Phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Căn cứ vào các Phiếu kế toán, các nghiệp vụ được ghi chép vào Sổ nhật ký chung. Từ Sổ nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái các tài khoản có liên quan. Số liệu trên Sổ cái được phản ánh vào Bảng cân đối số phát sinh. Từ Bảng cân đối số phát sinh, kế toán tiến hành lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ minh họa

Ví dụ 2.6

Cuối tháng 12, kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh năm 2012.

Trong đó:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:	9.977.382.158
+ Giá vốn hàng bán:	7.698.395.632
+ Chi phí quản lý kinh doanh:	1.238.723.545
+ Doanh thu hoạt động tài chính:	1.726.100

☞ Tổng phát sinh bên Có TK911:

KC Doanh thu thuần:	9.977.382.158
KC Doanh thu hoạt động tài chính	1.726.100
Tổng	9.979.108.258

☞ Tổng phát sinh bên Nợ TK911:

KC Giá vốn hàng bán:	7.698.395.632
KC Chi phí quản lý kinh doanh:	1.238.723.545
Tổng	8.937.119.177

☞ Thu nhập chịu thuế = $9.979.108.258 - 8.937.119.177 = 1.041.989.081$

☞ Thuế TNDN phải nộp = $1.041.989.081 \times 25\% = 260.497.270$

Lợi nhuận sau thuế TNDN = $1.041.989.081 - 260.497.270 = 781.491.811$

Sau khi xác định lãi, kế toán tổng hợp kết chuyển lãi sang tài khoản 421.

▲ Kế toán định khoản:

+ Nợ TK511: 9.977.382.158
Nợ TK515: 1.726.100
Có TK911: 9.979.108.258
+ Nợ TK911: 8.937.119.177
Có TK632: 7.698.395.632
Có TK642: 1.238.723.545
+ Nợ TK821: 260.497.270
Có TK3334: 260.497.270

+ Nợ TK911: 260.497.270

Có TK821: 260.497.270

+ Nợ TK911: 781.491.811

Có TK421: 781.491.811

▲ Kế toán lập

Phiếu kế toán số 22 - Kết chuyển doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính (*Biểu 2.20*).

Phiếu kế toán số 23 - Kết chuyển Giá vốn hàng bán , chi phí quản lý kinh doanh, chi phí thuế TNDN hiện hành, kết chuyển lãi (*Biểu 2.21*).

Căn cứ vào các Phiếu kế toán, kế toán vào Sổ nhật ký chung(*Biểu 2.18*). Từ Sổ nhật ký chung vào Sổ cái TK911(*Biểu 2.28*), TK421(*Biểu 2.29*) và các TK khác có liên quan.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

C.TY CP THỦY SẢN ĐẠI YÊN

Yên Cư – Đại Yên - Quảng Ninh

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số 22

STT	NỘI DUNG	TK NỢ	TK CÓ	SỐ TIỀN
1	Kết chuyển doanh thu thuần	511	911	9.977.382.158
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	1.726.100
	Cộng			9.979.108.258

Người lập

Kế toán trưởng

Biểu 2.20: Phiếu kế toán số 22

C.TY CP THỦY SẢN ĐẠI YÊN

Yên Cư – Đại Yên - Quảng Ninh

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số 23

STT	NỘI DUNG	TK NỢ	TK CÓ	SỐ TIỀN
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	8.698.395.632
2	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	642	238.723.545
3	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	260.497.270
4	Kết chuyển lãi	911	421	781.491.811
	Cộng			9.979.108.258

Người lập

Kế toán trưởng

Biểu 2.21: Phiếu kế toán số 23

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

C.TY CP THỦY SẢN ĐẠI YÊN

Mẫu số S03b - DNN

Yên Cư – Đại Yên - Quảng Ninh

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
31/12	PKT22	31/12	Kết chuyển doanh thu thuần	511		9.977.382.158
31/12	PKT22	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		1.726.100
31/12	PKT23	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	642	1.238.723.545	
31/12	PKT23	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	7.698.395.632	
31/12	PKT23	31/12	Kết chuyển lãi	421	781.491.811	
31/12	PKT23	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	260.497.270	
			Cộng phát sinh		9.979.108.258	9.979.108.258
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.28: Sổ cái tài khoản 911

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

C.TY CP THỦY SẢN ĐẠI YÊN

Mẫu số B02 - DNN

Yên Cư – Đại Yên - Quảng Ninh

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày

14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	9.977.382.158	5.220.137.474
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		9.977.382.158	5.220.137.474
4	Giá vốn hàng bán	11		7.698.395.632	2.971.570.718
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20= 10 – 11)	20		1.278.986.526	1.248.566.756
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.726.100	897.800
7	Chi phí tài chính	22			
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8	Chi phí quản lý kinh doanh	24		1.238.723.545	1.225.386.418
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+21-22-24)	30		1.041.989.081	1.024.078.138
10	Thu nhập khác	31			
11	Chi phí khác	32			
12	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40			
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.041.989.081	1.024.078.138
14	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	IV.09	260.497.270	256.019.534
15	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		781.491.811	768.058.604

Lập, ngày 20 tháng 02 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.29: Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2012

CHƯƠNG III

MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN ĐẠI YÊN

3.1 Đánh giá chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP thủy sản Đại Yên

Công ty CP thủy sản Đại Yên là một doanh nghiệp vừa và nhỏ, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn trong công việc kinh doanh, nhưng trong những năm qua công ty đã từng bước đi vào ổn định với cơ chế mới, phát triển về quy mô và năng lực, mở rộng kinh doanh, tạo được uy tín đối với khách hàng, hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế mà công ty đã đề ra, thực hiện đầy đủ các khoản phải nộp ngân sách nhà nước.

Qua thời gian thực tập và tìm hiểu về công ty, được tiếp xúc với thực tế công tác quản lý kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, cùng với sự giúp đỡ của công ty và nhân viên phòng kế toán đã tạo điều kiện cho em thực tập và làm quen với thực tế, củng cố thêm kiến thức đã học trong nhà trường. Qua đây em cũng xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhận xét và kiến nghị về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

3.1.1. Ưu điểm

✦ Thứ nhất: Về trang thiết bị

Công ty đã định hướng đúng đắn và có những phương pháp cải tiến kỹ thuật phù hợp trong từng giai đoạn, mua sắm trang thiết bị hiện đại, góp phần nâng cao hiệu quả lao động. Công ty đã và đang ngày một cải tiến để đáp ứng những nhu cầu của thị trường.

✦ Thứ hai: Về tổ chức bộ máy kế toán

Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung, phù hợp với tình hình thực tế của công ty có quy mô vừa và nhỏ, thuận tiện cho việc kiểm tra, giám sát, đảm bảo được sự lãnh đạo thống nhất. Việc tổ chức công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

diễn ra theo một trình tự có tính thống nhất cao, việc tập hợp số liệu cũng diễn ra chính xác. Qua đó, ban lãnh đạo cũng nhanh chóng, dễ dàng nắm bắt được tình hình hoạt động của toàn công ty, trên cơ sở đó có thể quản lý và đề ra các chiến lược kinh doanh phù hợp trong các kỳ tiếp theo. Mặt khác, các cơ quan nhà nước cũng có thể nắm bắt được các thông tin về công ty để thuận tiện cho việc quản lý, giám sát.

Đội ngũ kế toán có trình độ cao, mỗi nhân viên được phân công nhiệm vụ và quyền hạn nhất định, tránh chồng chéo nhiệm vụ nên độ chính xác cao, giảm được nhiều sai sót và bảo vệ được thông tin nội bộ quan trọng.

✦ Thứ ba: Về hình thức kế toán

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung. Hình thức này đơn giản về quy trình hạch toán và số lượng sổ sách, sử dụng phù hợp với quy mô, đặc điểm hoạt động kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ nghiệp vụ của kế toán viên. Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép vào Nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. Do vậy, mọi thông tin kế toán đều được cập nhật thường xuyên và đầy đủ.

✦ Thứ tư: Về hệ thống sổ, chứng từ kế toán

Công ty sử dụng đúng mẫu báo cáo kế toán do nhà nước quy định (Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính).

✦ Thứ năm: Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Nhìn chung, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty đã cung cấp thông tin chính xác, trung thực và đầy đủ. Do đó cung cấp số liệu giúp cho các nhà quản lý đưa ra được những quyết định đúng đắn phù hợp với điều kiện thực tế của công ty.

- Về công tác kế toán doanh thu: Việc hạch toán doanh thu về cơ bản là thực hiện đúng nguyên tắc, chế độ hiện hành. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến bán hàng đều được phản ánh kịp thời, chính xác. Từ

đó giúp cho kết quả kinh doanh được xác định một cách hợp lý, cung cấp thông tin đầy đủ cho nhà quản trị công ty.

- Về công tác kế toán chi phí: Mọi chi phí phát sinh trong công ty đều được quản lý một cách chặt chẽ, đảm bảo tính hợp lý và cần thiết.

- Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh: Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của nhà quản lý về việc cung cấp thông tin một cách kịp thời và chính xác tình hình kinh doanh tại công ty. Việc ghi chép dựa trên chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành và tình hình thực tế tại công ty.

3.1.2. Hạn chế

Ngoài những ưu điểm kể trên, công tác kế toán tại công ty vẫn còn tồn tại một số hạn chế.

▲ Thứ nhất: Về việc áp dụng các chính sách ưu đãi.

Hiện nay, công ty chưa áp dụng các chính sách ưu đãi cho khách hàng như: chính sách chiết khấu thương mại hoặc chiết khấu thanh toán. Việc không áp dụng các chính sách ưu đãi trong chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp sẽ phần nào làm giảm số lượng khách hàng đến với công ty, giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

▲ Thứ hai: Về tổ chức hệ thống sổ kế toán

Khi hạch toán doanh thu, công ty chỉ lập Sổ nhật ký chung và Sổ cái chứ không mở sổ theo dõi chi tiết. Điều này gây khó khăn trong việc theo dõi, quản lý chi phí, kiểm tra và đối chiếu sổ sách kế toán. Đồng thời không theo dõi được giá vốn của từng mặt hàng, công ty sẽ khó xác định được lợi nhuận gộp của từng loại. Công ty CP thủy sản Đại Yên chưa mở chi tiết cho TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh, nên kế toán không theo dõi được cụ thể các khoản mục chi phí trong đó như: Chi phí tiền lương nhân viên quản lý, thuế, phí lệ phí...

▲ Thứ ba: Về việc ứng dụng kỹ thuật vào công tác kế toán.

Hiện nay, việc ghi chép kế toán ở công ty còn thủ công nên vẫn tồn tại những hạn chế nhất định như mất nhiều thời gian, dễ gây nhầm lẫn, sai sót,

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

không hiệu quả....chính vì thế mà báo cáo tài chính của công ty đôi khi chậm trễ về thời gian, khi có sai sót thì khó phát hiện ra.

▲ Thứ tư: Về dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Trong năm 2012, việc thanh toán của khách hàng đôi khi còn chậm trễ và có những khách hàng mà doanh nghiệp không thể thu hồi nợ được, mà doanh nghiệp lại không lập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi để giảm thiểu rủi ro. Dưới đây là báo cáo công nợ phải thu của công ty đến ngày 31/12/2012 (Biểu 3.1)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ ĐẾN NGÀY 31/12/2012

ĐVT: VNĐ

STT	Tên khách hàng	Dư nợ cuối kỳ	Nợ chưa đến hạn	Nợ đến hạn	Nợ quá hạn	Nợ không đòi được
1	Công ty CP Hân Ngọc Phát	25.389.399	25.389.399			
2	Công ty CP Hải Vân	17.987.245			17.987.245	
3	Công ty TNHH Minh Tâm	5.804.114				5.804.114
4	Công ty CP Thành Công	112.257.349		112.257.349		
5	Công ty TNHH Lan Anh	36.147.980			36.147.980	
..	...	..	..	..	..	..
	Cộng	1.321.145.159	644.150.357	517.055.463	154.135.225	5.804.114

Dựa theo báo cáo trên thì công ty cần trích lập dự phòng đối với các khoản nợ sau:

- Khoản nợ công ty CP Hải Vân theo biên bản đối chiếu công nợ có hạn thanh toán 28/12/2011 đã quá hạn thanh toán trên 1 năm.

- Khoản nợ công ty TNHH Lan Anh theo biên bản đối chiếu công nợ có hạn thanh toán 15/3/2012 đã quá hạn 9 tháng.

Đồng thời công ty phải xóa sổ các khoản nợ sau:

- Đối với khoản nợ 5.804.114 đồng của công ty TNHH Minh Tâm phát sinh vào ngày 28/9/2011 được xác định là không thu hồi được do công ty này đã mất khả năng thanh toán.

3.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP thủy sản Đại Yên

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP thủy sản Đại Yên.

Ngày nay, kế toán không chỉ đơn thuần là công việc tính toán về sự luân chuyển hàng hóa và vốn trong các đơn vị, mà nó còn là bộ phận chính của hệ thống thông tin kinh tế, công cụ thiết yếu để quản lý kinh tế trong các đơn vị. Để có thể thực hiện tốt vai trò của mình thì yêu cầu quản lý hoàn thiện công tác kế toán cho phù hợp với sự thay đổi của nền kinh tế và đáp ứng yêu cầu quản lý luôn là vấn đề quan trọng. Thực hiện tốt công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở doanh nghiệp sẽ cung cấp thông tin kịp thời, trung thực, đầy đủ giúp lãnh đạo doanh nghiệp thấy được thực tế hoạt động kinh doanh của công ty mình như thế nào, những mặt mạnh, mặt yếu, từ đó có phương hướng để tiếp tục phát triển.

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một phần hành quan trọng không thể thiếu được trong công tác kế toán ở mỗi doanh nghiệp. Tuy nhiên, ở mỗi công ty khác nhau thì công tác kế toán này cũng khác nhau. Tại Công ty CP thủy sản Đại Yên, mặc dù có những ưu điểm nhất định nhưng cũng không tránh khỏi những hạn chế. Vì thế, việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty trở nên rất cần thiết. Điều này sẽ giúp công ty hạch toán chi tiết hơn các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ, đồng thời lập đầy đủ sổ sách kế toán, tăng cường quản lý chi phí. Qua đó cung cấp kịp thời các thông tin cần thiết cho ban lãnh đạo công ty cũng như các đối tượng liên quan.

3.2.2. Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP thủy sản Đại Yên.

3.2.2.1. Về việc áp dụng các chính sách ưu đãi

Hiện nay, trong địa bàn Tỉnh Quảng Ninh nói chung và Hạ Long nói riêng, có rất nhiều công ty kinh doanh cùng lĩnh vực. Do đó, việc các doanh nghiệp cạnh tranh để thu hút khách hàng là điều tất yếu. Việc công ty không áp dụng các chính sách ưu đãi trong bán hàng sẽ phần nào làm giảm lượng khách hàng đến với công ty, làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Vì vậy, để có thể thu hút được khách hàng mới, mở rộng thị trường tiêu thụ mà vẫn giữ được khách hàng cũ nhằm tăng doanh thu, lợi nhuận, công ty nên xây dựng các chính sách ưu đãi phù hợp với tình hình hiện tại của công ty.

▲ Chiết khấu thương mại

Theo chuẩn mực kế toán Số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” (Ban hành và công bố theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) thì: Chiết khấu thương mại là khoản chiết khấu mà doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Để hạch toán Chiết khấu thương mại, kế toán sử dụng tài khoản 5211 – “Chiết khấu thương mại”. Tài khoản 5211 dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc thanh toán cho người mua hàng, do họ đã mua hàng, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng.

✦ Quy định khi hạch toán Chiết khấu thương mại:

Căn cứ vào thông tư số 89/2002/TT-BTC hướng dẫn 4 chuẩn mực kế toán quy định:

- Chỉ hạch toán vào tài khoản này khoản chiết khấu thương mại người mua được hưởng đã thực hiện trong kỳ theo đúng chính sách chiết khấu thương mại của doanh nghiệp đã quy định.

- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua

được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên “Hoá đơn (GTGT)” hoặc “Hoá đơn bán hàng” lần cuối cùng. Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng, hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hoá đơn lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua. Khoản chiết khấu thương mại trong các trường hợp này được hạch toán vào Tài khoản 5211.

- Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào TK 5211. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

- Phải theo dõi chi tiết chiết khấu thương mại đã thực hiện cho từng khách hàng và từng loại hàng bán, như: bán hàng (sản phẩm, hàng hoá), dịch vụ.

- Trong kỳ chiết khấu thương mại phát sinh thực tế được phản ánh vào bên Nợ Tài khoản 5211 - Chiết khấu thương mại. Cuối kỳ, khoản chiết khấu thương mại được kết chuyển sang Tài khoản 511 - "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" để xác định doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thực tế thực hiện trong kỳ hạch toán.

Công ty cần xây dựng mức chiết khấu thương mại cho phù hợp với tình hình thực tế tại công ty mình. Đối với những khách hàng mua hàng với số lượng lớn, công ty sẽ áp dụng chiết khấu thương mại cho khách hàng căn cứ vào thoả thuận chiết khấu thương mại ghi trên hợp đồng hoặc các cam kết mua bán hàng.

✦ Phương pháp hạch toán

Khi thực hiện chiết khấu thương mại cho khách hàng:

Nợ TK5211

Nợ TK3331

Có TK131,111,112...

Cuối kỳ, kết chuyển chiết khấu thương mại phát sinh trong kỳ sang tài khoản 511:

Nợ TK511

Có TK5211

☞ Việc áp dụng chiết khấu thương mại trong tiêu thụ hàng hoá không những có thể giữ được khách hàng truyền thống mà còn có thể tăng lượng khách mới trong tương lai và có sự ưu đãi của công ty trong việc bán hàng, giúp thúc đẩy quá trình tiêu thụ, tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường, tạo cho khách hàng cảm giác được ưu đãi, ưu tiên với các chính sách của công ty, cho khách hàng thấy được sự quan tâm của công ty tới quý khách hàng.

▲ Chiết khấu thanh toán:

Chiết khấu thanh toán là số tiền giảm trừ cho người mua, do người mua thanh toán tiền hàng trước thời hạn quy định trong hợp đồng hoặc trong cam kết.

Để có thể thu hồi vốn nhanh phục vụ cho hoạt động kinh doanh, công ty cần xây dựng chính sách chiết khấu thanh toán phù hợp với tình hình công ty mình.

3.2.2.2. Về việc hoàn thiện hệ thống sổ kế toán

Hệ thống sổ kế toán tại mỗi công ty đều có vai trò rất quan trọng. Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty chỉ thực sự có hiệu quả khi có một hệ thống sổ kế toán phù hợp với quy mô và quy trình kinh doanh tại công ty. Một hệ thống sổ kế toán hoàn thiện phải bao gồm hệ thống sổ tổng hợp và sổ chi tiết. Tuy nhiên, khi hạch toán kế toán, công ty chỉ mới ghi Sổ cái. Để hoàn thiện hơn hệ thống sổ kế toán tại Công ty CP thủy sản Đại Yên, em nhận thấy công ty nên lập các Sổ chi tiết để tiện theo dõi cho các khoản chi phí, doanh thu, đồng thời cũng góp phần nắm được tình hình tiêu thụ của từng loại hàng hoá. Từ đó giúp cho ban lãnh đạo công ty có những giải pháp quản lý một cách chính xác hơn.

✦ Đối với kế toán doanh thu, công ty nên lập các “Sổ chi tiết bán hàng” chi tiết theo từng loại hàng hoá. Có như vậy thì công ty mới nắm được tình hình

tiêu thụ của từng mặt hàng, từng công trình.

Bên cạnh việc lập Sổ chi tiết bán hàng, công ty cũng cần lập Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng. Cuối tháng, kế toán sẽ tiến hành tổng hợp số liệu từ các Sổ chi tiết bán hàng lập Bảng tổng hợp chi tiết doanh thu bán hàng. Sau đó, kế toán sẽ đối chiếu số liệu trên Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng với Sổ cái TK511 xem số liệu có chính xác không. Việc lập các sổ này giúp cho công tác kế toán doanh thu được cụ thể, chi tiết theo từng loại mặt hàng và chặt chẽ hơn.

Ví dụ minh họa:

Ví dụ 3.1: (Minh họa tiếp nghiệp vụ giá bán của ví dụ 2.1)

Ngày 08/12/12, bán Mắm các loại cho Công ty TNHH 1TV Hân Ngọc Phát. Tổng giá bán chưa thuế là 13.910.000đ. Khách hàng đã thanh toán số tiền trên bằng tiền mặt.

▲ Căn cứ vào hoá đơn GTGT0001028(Biểu 2.1), kế toán phản ánh doanh thu của nghiệp vụ trên vào Sổ chi tiết bán hàng(Biểu 3.1 và 3.2).

Cuối tháng, số liệu trên Sổ chi tiết bán hàng của Mắm Ngự các loại được tổng hợp vào Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

C.TY CP THỦY SẢN ĐẠI YÊN

Mẫu số S17 – DNN

Yên Cư – Đại Yên - Quảng Ninh

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm(Hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư): Mắm Ngự ĐB

Năm: 2012

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ U'	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng g			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác
									
08/12	HĐ0001028	08/12	Bán Mắm cho cty Hân Ngọc Phát	111	170	50.500	8.585.000		
									
			Cộng số phát sinh						
			-Doanh thu thuần						
			-Giá vốn hàng bán						
			-Lãi gộp						

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám Đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu 3.1: Sổ chi tiết bán hàng

✦ Đối với kế toán chi phí, công ty nên mở “Sổ chi phí sản xuất kinh doanh” chi tiết theo từng khoản chi phí. Hiện tại, công ty chỉ lập Sổ cái cho các tài khoản 632,6421,6422...Như vậy thì không theo dõi được chi tiết từng khoản chi, gây khó khăn cho việc quản lý.

Ví dụ minh họa:

Ví dụ 3.3: (Minh họa tiếp nghiệp vụ giá vốn của ví dụ 2.1)

Ngày 08/12/12, bán Mắm các loại cho Công ty TNHH 1TV Hân Ngọc Phát. Tổng giá bán chưa thuế là 13.910.000đ. Khách hàng đã thanh toán số tiền trên bằng tiền mặt.

▲ Căn cứ vào Phiếu xuất kho số 10(Biểu 2.6), kế toán ghi chép bút toán của nghiệp vụ trên vào Sổ chi phí sản xuất kinh doanh(Biểu 3.3)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

C.TY CP THỦY SẢN ĐẠI YÊN

Mẫu số S18- DNN

Yên Cư – Đại Yên - Quảng Ninh

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

Năm 2012

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Tổng số tiền	Ghi nợ TK642	
	Số hiệu	Ngày				6421	6422
			Số dư đầu kỳ				
			Số phát sinh trong kỳ				
...	...	...		...	...	...	...
08/12	PC10/12	08/12	Chi TM mua nước cho BPSX	111	260.000		260.000
25/12	PC12/12	25/12	Chi tiền tiếp khách	111	2.050.000		2.050.000
31/12	PC20/12	31/12	Thanh toán tiền đặt in HĐ	111	2.500.000	2.500.000	
...	...	..	...	...	...	...	...
			Tổng Cộng		1.238.723.545	442.153.252	796.570.293

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu 3.3: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

3.2.2.3. Về việc ứng dụng kỹ thuật vào công tác kế toán.

Công ty CP thủy sản Đại Yên là công ty sản xuất, tuy nhiên việc hạch toán kế toán còn thủ công, chưa giúp công tác kế toán nói chung cũng như kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

Công ty cần đẩy mạnh hơn nữa việc áp dụng công nghệ thông tin. Cụ thể là áp dụng các phần mềm kế toán máy vào trong công tác kế toán nhằm giảm chi phí, không tốn nhiều thời gian mà đạt hiệu quả cao, hoàn thành các báo cáo tài chính đúng thời hạn quy định, không sai sót gây thiệt hại cho công ty. Song song với đó là việc đào tạo nhân viên sử dụng thành thạo vi tính văn phòng và thích ứng với phần mềm kế toán, từ đó giúp ban lãnh đạo có thông tin một cách chính xác để ra quyết định quản trị đúng và phù hợp với tình hình nền kinh tế hiện tại, việc áp dụng phần mềm kế toán là vô cùng cần thiết giúp ban lãnh đạo quản lý được chặt chẽ, kiểm soát được toàn bộ hoạt động kinh doanh của công ty mình. Tuy cũng phải bỏ ra một lượng vốn nhất định nhưng so với những chi phí phải bỏ ra thì đây là một cách sử dụng đồng vốn một cách hiệu quả.

Hiện nay, có rất nhiều phần mềm kế toán như phần mềm kế toán MISA, ESOFT, ACMAN, SAS INNOVA, FAST...đây là các phần mềm rất hay và phổ biến trên thị trường. Khi sử dụng các phần mềm kế toán này, máy sẽ tự động chạy tất cả các số liệu vào các sổ sách kế toán có liên quan. Đến cuối quý, kế toán lập chứng từ phân bổ và kết chuyển. Từ đó lập nên các báo cáo tài chính.

3.2.2.4. Về việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Công ty nên trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi nhằm đề phòng nợ phải thu thất thu khi khách hàng không có khả năng chi trả nợ và xác định giá trị thực của một khoản tiền nợ phải thu lập trên BCTC của năm báo cáo.

- Căn cứ xác định nợ phải thu khó đòi:

Nợ thu đã quá hạn thanh toán trên hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ.

Nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán, nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào

tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người vay nợ mất tích, bỏ trốn...

- Phương pháp xác định:

Dựa trên tài liệu hạch toán chi tiết các khoản nợ phải thu của từng khách hàng, phân loại theo thời hạn thu nợ, các khách hàng quá hạn được xếp vào loại khách hàng khó đòi, nghi ngờ. Doanh nghiệp cần thông báo cho khách hàng và trên cơ sở thông tin phản hồi từ khách hàng, kẻ cả bằng phương pháp xác minh, để xác định số dự phòng cần lập theo số % khả năng mất.

Dự phòng phải thu khó đòi cần lập = Nợ phải thu khó đòi x Số % có khả năng mất

- Mức trích lập: Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập như sau:

30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm

50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm

70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm

100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người vay nợ mất tích, bỏ trốn... thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

- Tài khoản sử dụng : TK 159(2)

- Phương pháp hạch toán:

Cuối kỳ, xác định số dự phòng cần trích lập. Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi ở kỳ kế toán này lớn hơn ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì hạch toán chênh lệch vào chi phí: Nợ TK 642

Có TK 159(2)

Nếu số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ này nhỏ hơn ở kỳ trước thì số chênh lệch được ghi giảm trừ chi phí: Nợ TK 159(2)

Có TK 642

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Xóa nợ ghi: Nợ TK 159(2): nếu đã trích lập dự phòng

Nợ TK 642: nếu chưa trích lập dự phòng

Có TK 131

Có TK 138

Đồng thời ghi Nợ TK 004

Đối với nợ khó đòi đã xử lý xóa nợ sau đó thu hồi được:

Nợ TK 111, 112...

Có TK 711

Ví dụ: Giả sử ngày 31/12/2012, kế toán tiến hành trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi trên Báo cáo tình hình công nợ (Biểu 3.1) như sau:

Tính số dự phòng nợ phải thu khó đòi năm 2012:

Số dự phòng phải thu khó đòi là: 49.838.017 đồng

Kế toán định khoản: Nợ TK 642: 49.838.017

Có TK 159(2): 49.838.017

Đối với khoản khách hàng còn nợ được xác định là không đòi được cần xử lý đưa vào chi phí như sau:

Tổng nợ không thể thu hồi năm 2012: 5.804.114 đồng

Kế toán định khoản: Nợ TK 642: 5.804.114

Có TK 131: 5.804.114

Đồng thời ghi Nợ TK 004: 5.804.114

Kế toán tiến hành lập phiếu kế toán rồi vào sổ Nhật ký chung và các sổ sách có liên quan.

KẾT LUẬN

Hoạt động sản xuất kinh doanh đem lại lợi nhuận cao là mong đợi của tất cả các doanh nghiệp nói chung và Công ty C.P thủy sản Đại Yên nói riêng. Sự thành công của doanh nghiệp luôn gắn liền với những giải pháp đúng đắn, biết tìm hiểu và nghiên cứu thị trường, đánh giá được đúng khả năng hiện có của mình, đồng thời quản lý chi phí một cách tối đa nhất. Cải tiến công tác quản lý chi phí, đổi mới công nghệ sẽ góp phần làm cho công ty ngày càng phát triển và có hiệu quả trong tương lai.

Trên đây là một số phân tích, đánh giá và giải pháp chủ quan mà em đã mạnh dạn đề xuất để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty C.P thủy sản Đại Yên, với mong muốn công ty sẽ ngày càng phát triển vững mạnh hơn, tạo được chỗ đứng của mình trên thị trường.

Mặc dù có nhiều cố gắng, song với vốn kiến thức có hạn, thời gian nghiên cứu thực tế tại công ty chưa sâu, do đó không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô để bài khoá luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo Công ty C.P thủy sản Đại Yên cùng các cô chú, anh chị phòng kế toán công ty đã giúp đỡ em rất nhiều để hoàn thành khoá luận này. Đặc biệt, em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến thầy giáo Th.s Nguyễn Văn Thụ đã tận tình hướng dẫn em để em có thể hoàn thành đề tài nghiên cứu của mình.

Quảng Ninh, tháng 6 năm 2012

Sinh viên thực hiện

Nguyễn Thị Thanh Trà

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quyết định 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.
2. Giáo trình kế toán tài chính (Nhà xuất bản thống kê năm 2009).
3. Chế độ kế toán doanh nghiệp Quyển I & II (Nhà xuất bản lao động năm 2011)
4. Võ Văn Nhị (2006), *Hướng dẫn thực hành kế toán doanh nghiệp, ghi sổ kế toán*
5. Thông tin tổng hợp từ một số trang Web: www.lib.hpu.vn, www.tailieu.vn, www.tapchiketoan.com , www.google.com.vn ...